

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

=====**=====



BÁO CÁO BTL THUỘC HỌC PHẦN:
THIẾT KẾ PHẦN MỀM
THIẾT KẾ WEBSITE

<https://shop.highlandscoffee.com.vn>

GVHD: Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nhóm – Lớp: 15 – IT6096003

Thành viên: Trịnh Hoài Đức

Nguyễn Thành Đạt

Vũ Đức Thiệp

Đào Xuân Giang

Hà Nội, Năm 2024

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển, việc thiết kế và duy trì một trang web hiệu quả đã trở thành yếu tố then chốt quyết định thành công của nhiều doanh nghiệp. Đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử, một trang web không chỉ cần phải thu hút khách hàng mà còn phải mang lại trải nghiệm mua sắm thuận tiện và đáng tin cậy.

Báo cáo này tập trung vào việc phân tích trang web <https://shop.highlandscoffee.com.vn>. Trang web này được thiết kế với giao diện thân thiện và dễ sử dụng, nhằm giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm và lựa chọn sản phẩm phù hợp. Các tính năng mua sắm trực tuyến cũng được tối ưu hóa để cải thiện quy trình đặt hàng và giao nhận sản phẩm.

Dự án sẽ phân tích thiết kế phần mềm của trang web highlandscoffee, từ cấu trúc kiến trúc, các tính năng chính đến hiệu suất hoạt động, nhằm đánh giá chất lượng và mức độ hài lòng của người dùng.

Chúng em hy vọng rằng phân tích này sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc về quy trình xây dựng và phát triển các nền tảng thương mại điện tử, từ đó góp phần vào việc cải thiện và nâng cao hiệu quả của các trang web thương mại điện tử.

Nhóm thực hiện đề tài

Nhóm 15

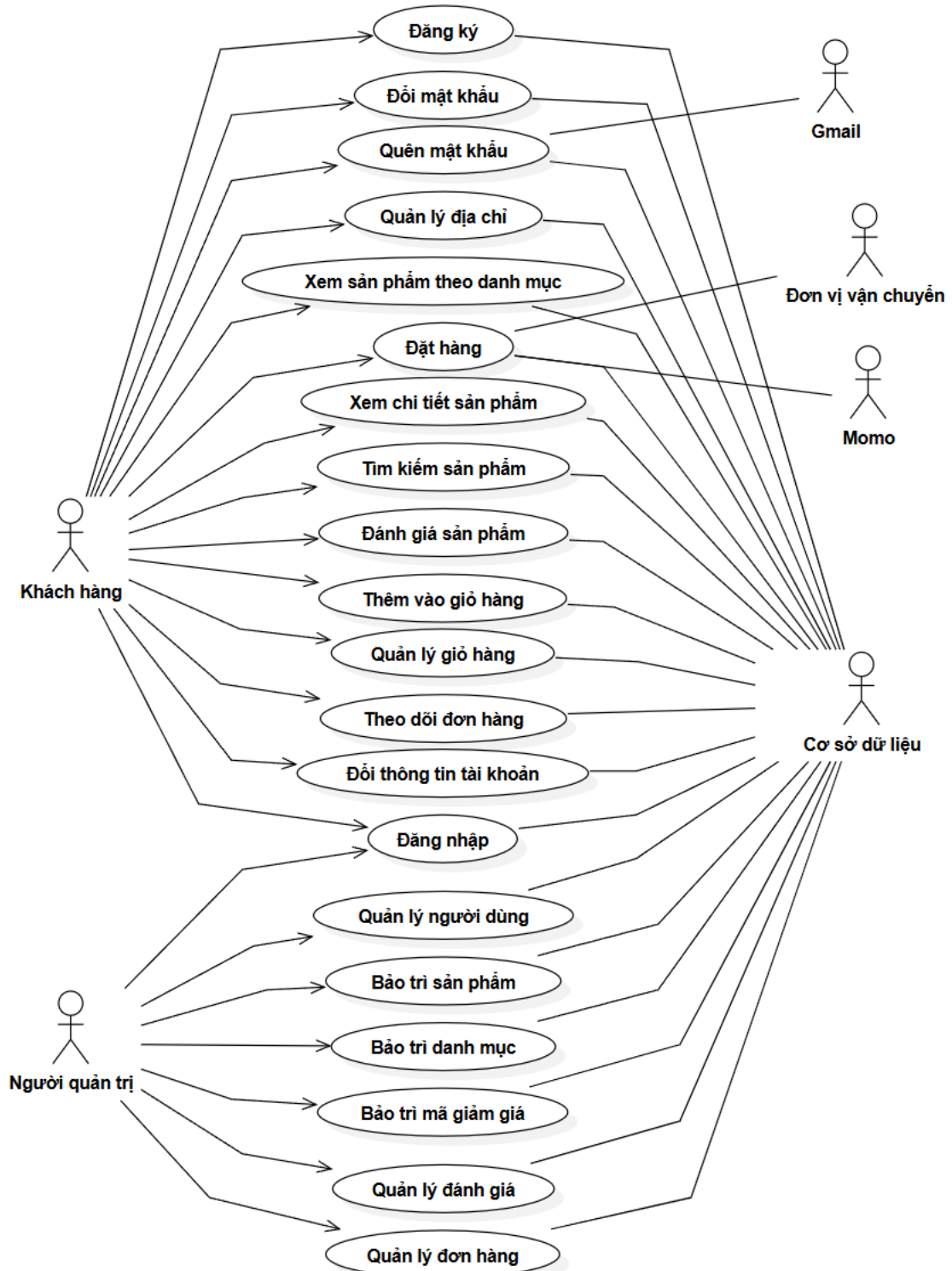
MỤC LỤC

Chương 1: Mô tả chức năng	4
1.1. Biểu đồ use case	4
1.1.1. Các use case phần front end	5
1.1.2. Các use case phần back end	6
1.2. Mô tả các use case	7
1.2.1. Mô tả use case Đăng ký (Nguyễn Thành Đạt)	7
1.2.2. Mô tả use case Xem sản phẩm theo danh mục (Vũ Đức Thiệp)	8
1.2.3. Mô tả use case Quản lý giỏ hàng (Trịnh Hoài Đức)	9
1.2.4. Mô tả use case Theo dõi đơn hàng (Đào Xuân Giang)	10
1.2.5. Mô tả use case Quản lý đánh giá (Nguyễn Thành Đạt)	12
1.2.6. Mô tả use case Quản lý đơn hàng (Vũ Đức Thiệp)	14
1.2.7. Mô tả use case Bảo trì danh mục (Trịnh Hoài Đức)	17
1.2.8. Mô tả use case Quản lý người dùng (Đào Xuân Giang)	19
Chương 2: Phân tích use case	21
2.1. Phân tích các use case	21
2.1.1. Phân tích use case Đăng ký (Nguyễn Thành Đạt)	21
2.1.2. Phân tích use case Xem sản phẩm theo danh mục (Vũ Đức Thiệp)	23
2.1.3. Phân tích use case Quản lý giỏ hàng (Trịnh Hoài Đức)	25
2.1.4. Phân tích use case Theo dõi đơn hàng (Đào Xuân Giang)	27
2.1.5. Phân tích use case Quản lý đánh giá (Nguyễn Thành Đạt)	29
2.1.6. Phân tích use case Quản lý đơn hàng (Vũ Đức Thiệp)	31
2.1.7. Phân tích use case Bảo trì danh mục (Trịnh Hoài Đức)	33
2.1.8. Phân tích use case Quản lý người dùng (Đào Xuân Giang)	36
2.2. Các biểu đồ tổng hợp	37
2.2.1. Biểu đồ các lớp Entity của hệ thống	37
2.2.2. Biểu đồ các lớp phân tích của hệ thống	38
Chương 3: Thiết kế giao diện	39

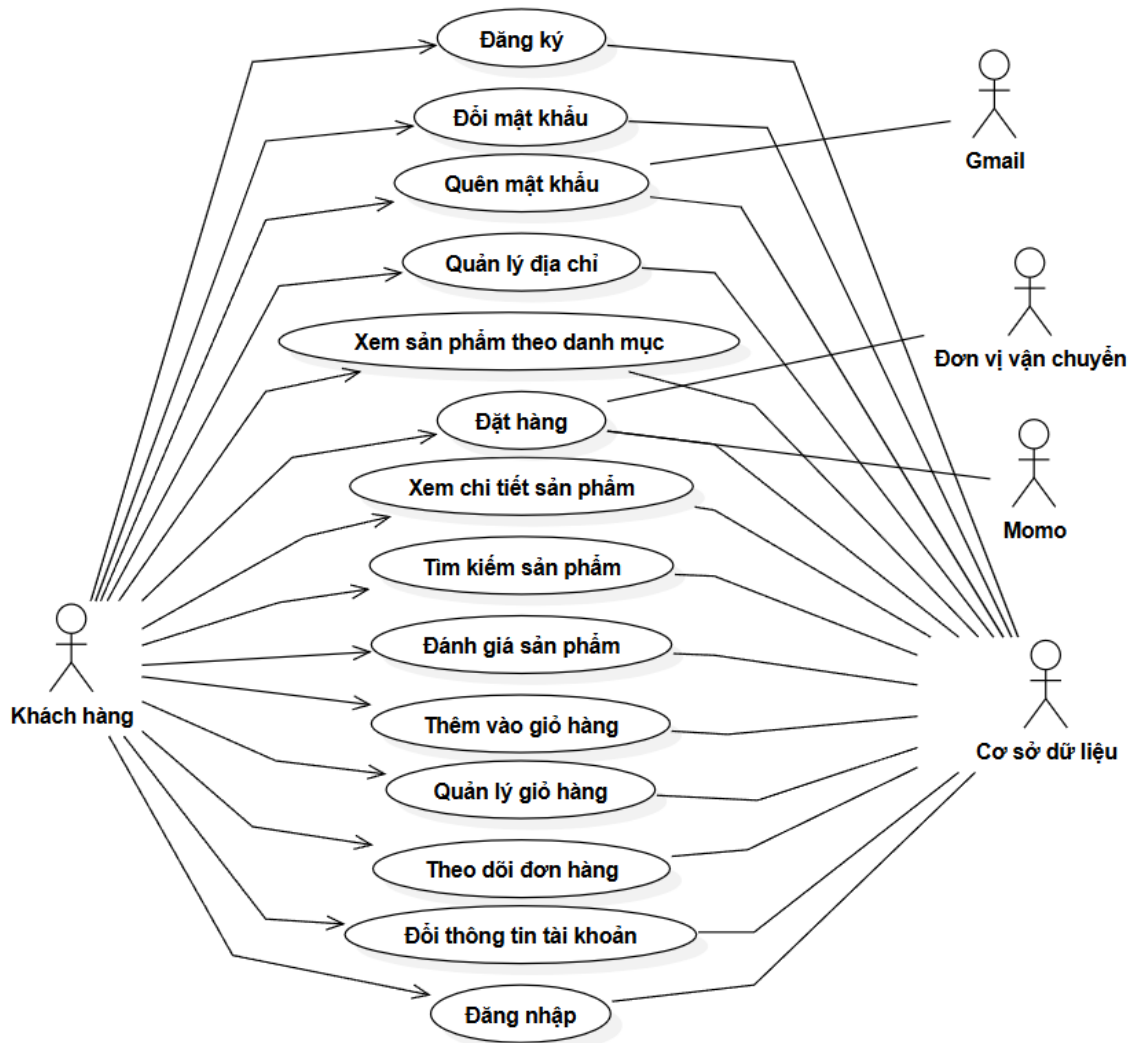
3.1. Thiết kế giao diện cho các use case.....	39
3.1.1. Giao diện use case Đăng ký (Nguyễn Thành Đạt)	39
3.1.2. Giao diện use case Xem sản phẩm theo danh mục (Vũ Đức Thiệp)	41
3.1.3. Giao diện use case Quản lý giỏ hàng (Trịnh Hoài Đức)	43
3.1.4. Giao diện use case Theo dõi đơn hàng (Đào Xuân Giang)	44
3.1.5. Giao diện use case Quản lý đánh giá (Nguyễn Thành Đạt)	46
3.1.6. Giao diện use case Quản lý đơn hàng (Vũ Đức Thiệp).....	48
3.1.7. Giao diện use case Bảo trì danh mục (Trịnh Hoài Đức)	50
3.1.8. Giao diện use case Quản lý người dùng (Đào Xuân Giang)	52
3.2. Các biểu đồ tổng hợp.....	53
3.2.1. Biểu đồ điều hướng màn hình của nhóm use case chính	53
3.2.2. Biểu đồ điều hướng màn hình của nhóm use case thứ cấp	54

Chương 1: Mô tả chức năng

1.1. Biểu đồ use case



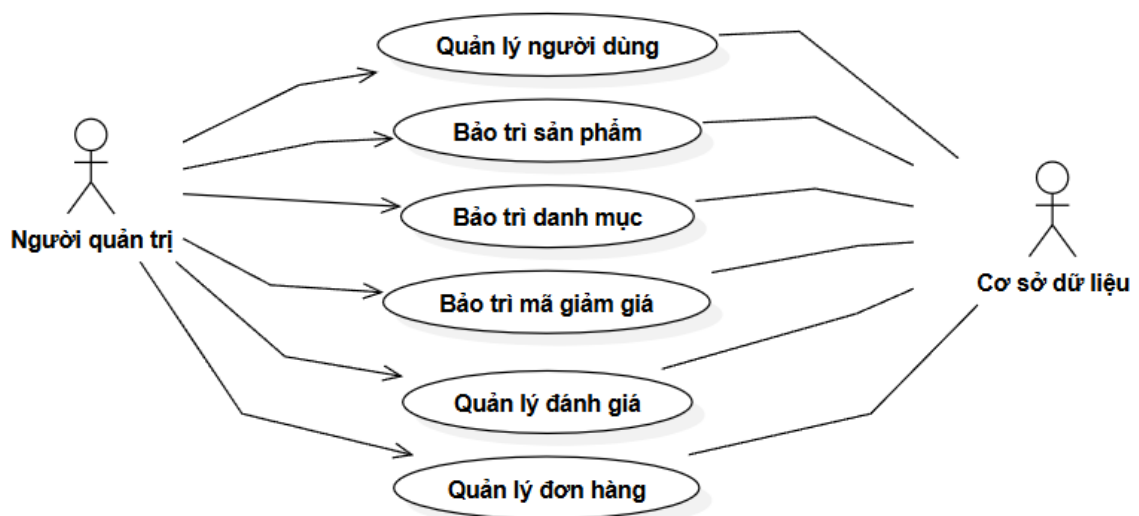
1.1.1. Các use case phần front end



1. Đăng ký: Use case cho phép khách hàng tạo tài khoản cá nhân để đăng nhập vào trang web.
2. Đăng nhập: Use case này cho phép người dùng sử dụng tài khoản cá nhân để đăng nhập vào trang web.
3. Đổi mật khẩu: Use case này cho phép khách hàng có thể đổi mật khẩu cũ thành mật khẩu mới.
4. Quên mật khẩu: Use case này cho phép khách hàng đổi lại mật khẩu mới khi quên mật khẩu, xác minh qua dịch vụ Gmail của Google.
5. Quản lý địa chỉ: Use case này cho phép khách hàng có thể thêm, sửa, xóa nhiều địa chỉ trong tài khoản của mình.

6. Xem sản phẩm theo danh mục: Use case này cho phép khách hàng xem được các sản phẩm theo danh mục có trong trang web.
7. Đặt hàng: Use case này cho phép khách hàng đặt hàng bằng cách nhập các thông tin cần thiết để
8. Xem chi tiết sản phẩm: Use case này cho phép khách hàng xem thông tin chi tiết về một sản phẩm như tên, giá, mô tả, đánh giá, khuyến mại,...
9. Tìm kiếm sản phẩm: Use case này cho phép khách hàng nhập từ khoá để tìm kiếm sản phẩm mong muốn.
- 10.Đánh giá sản phẩm: Use case này cho phép khách hàng viết đánh giá cho sản phẩm đã mua.
- 11.Thêm vào giỏ hàng: Use case này cho phép khách hàng thêm sản phẩm vào giỏ hàng để mua sắm.
- 12.Quản lý giỏ hàng: Use case này cho phép khách hàng sửa số lượng sản phẩm hoặc xoá sản phẩm khỏi giỏ hàng.
- 13.Theo dõi đơn hàng: Use case này cho phép khách hàng xem chi tiết, huỷ đơn hàng khi chưa được xác nhận.
14. Đổi thông tin tài khoản: Use case này cho phép khách hàng đổi thông tin cá nhân của tài khoản như email, số điện thoại, địa chỉ,...

1.1.2. Các use case phần back end



1. Quản lý người dùng: Use case này cho phép người quản trị thêm, sửa, xoá người dùng.
2. Bảo trì sản phẩm: Use case này cho phép người quản trị thêm, sửa, xoá các sản phẩm.
3. Quản lý đánh giá: Use case này cho phép người quản trị duyệt các đánh giá của khách hàng.
4. Quản lý đơn hàng: Use case này cho phép người quản trị xem chi tiết, thay đổi trạng thái các đơn hàng.
5. Bảo trì danh mục: Use case này cho phép người quản trị thêm, sửa, xoá các danh mục.
6. Bảo trì mã giảm giá: Use case này cho phép người quản trị thêm, sửa, xoá các mã giảm giá.

1.2. Mô tả các use case

1.2.1. Mô tả use case Đăng ký (Nguyễn Thành Đạt)

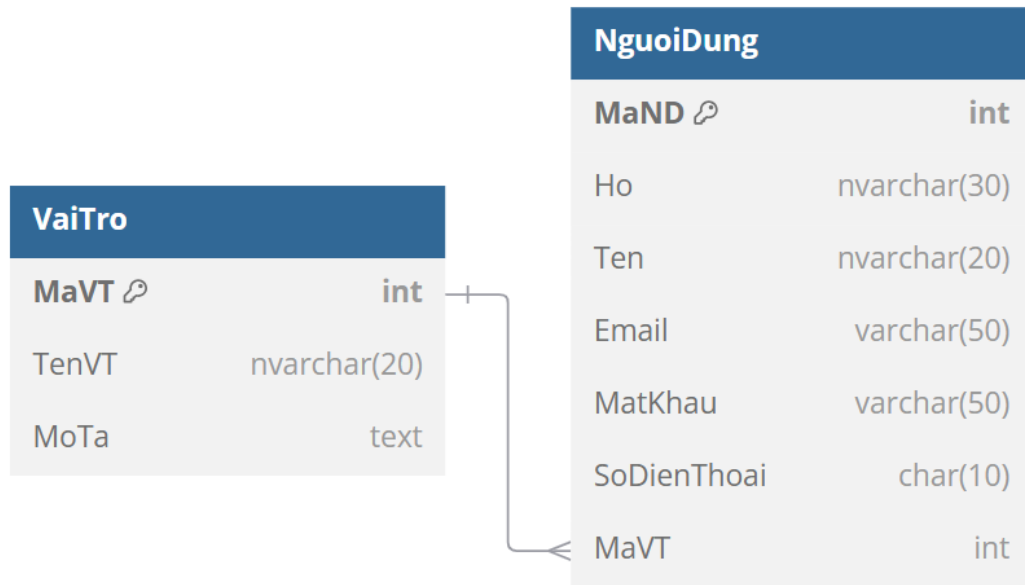
○ Luồng cơ bản

1) Use case này bắt đầu khách hàng kích vào nút “Đăng ký” khi ở giao diện đăng nhập. Hệ thống điều hướng khách hàng tới trang đăng ký tài khoản.

2) Khách hàng nhập họ, tên, số điện thoại, email, mật khẩu, sau đó kích vào nút “TẠO TÀI KHOẢN”. Hệ thống truy xuất tới danh sách người dùng từ bảng `NguoiDung`, kiểm tra xem có tồn tại email do khách hàng nhập hay chưa, sau đó tạo một tài khoản mới với đầy đủ thông tin do khách hàng đã nhập với vai trò là “Khách hàng” và lưu vào bảng `NguoiDung`. Hệ thống hiển thị thông báo “Thành công”.

Use case kết thúc.

○ **Dữ liệu liên quan**

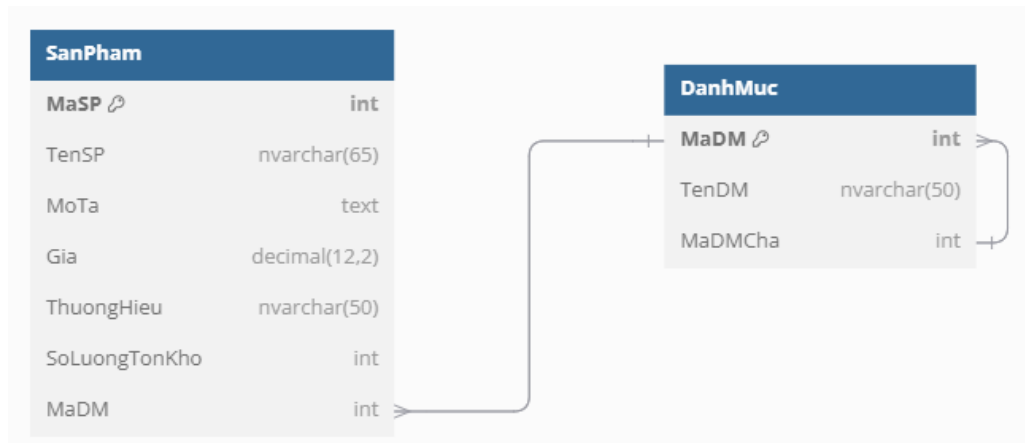


1.2.2. Mô tả use case Xem sản phẩm theo danh mục (Vũ Đức Thiệp)

○ **Luồng cơ bản**

- 1) Use case này bắt đầu khi khách hàng kích chọn vào phần “MENU”. Hệ thống lấy thông tin tên danh mục của các danh mục cha từ bảng DanhMuc và hiển thị một danh sách thả xuống các danh mục cha.
- 2) Khi dùng kích chọn danh mục cha trên dòng danh mục. Hệ thống lấy thông tin tên danh mục của các danh mục con của danh mục cha đó từ bảng DanhMuc và hiển thị một danh sách thả xuống các danh mục con bên phải danh mục cha.
- 3) Khi người dùng kích chọn vào một trong các danh mục con. Hệ thống sẽ điều hướng khách hàng đến một trang khác chứa danh sách các sản phẩm từ bảng SanPham có mã danh mục trùng với danh mục bạn chọn.

○ **Dữ liệu liên quan**



1.2.3. Mô tả use case Quản lý giỏ hàng (Trịnh Hoài Đức)

○ Luồng cơ bản

1) Use case bắt đầu khi khách hàng chọn nút “Giỏ hàng”. Hệ thống tìm kiếm GioHang của khách hàng thông qua mã người dùng, sau đó hiển thị danh sách các sản phẩm được liên kết với bảng GioHang thông qua bảng ChiTietGioHang với thông tin của mỗi sản phẩm bao gồm: hình ảnh từ bảng Anh, tên sản phẩm và giá sản phẩm từ bảng SanPham, số lượng mỗi sản phẩm từ bảng ChiTietGioHang.

2) Thay đổi số lượng sản phẩm:

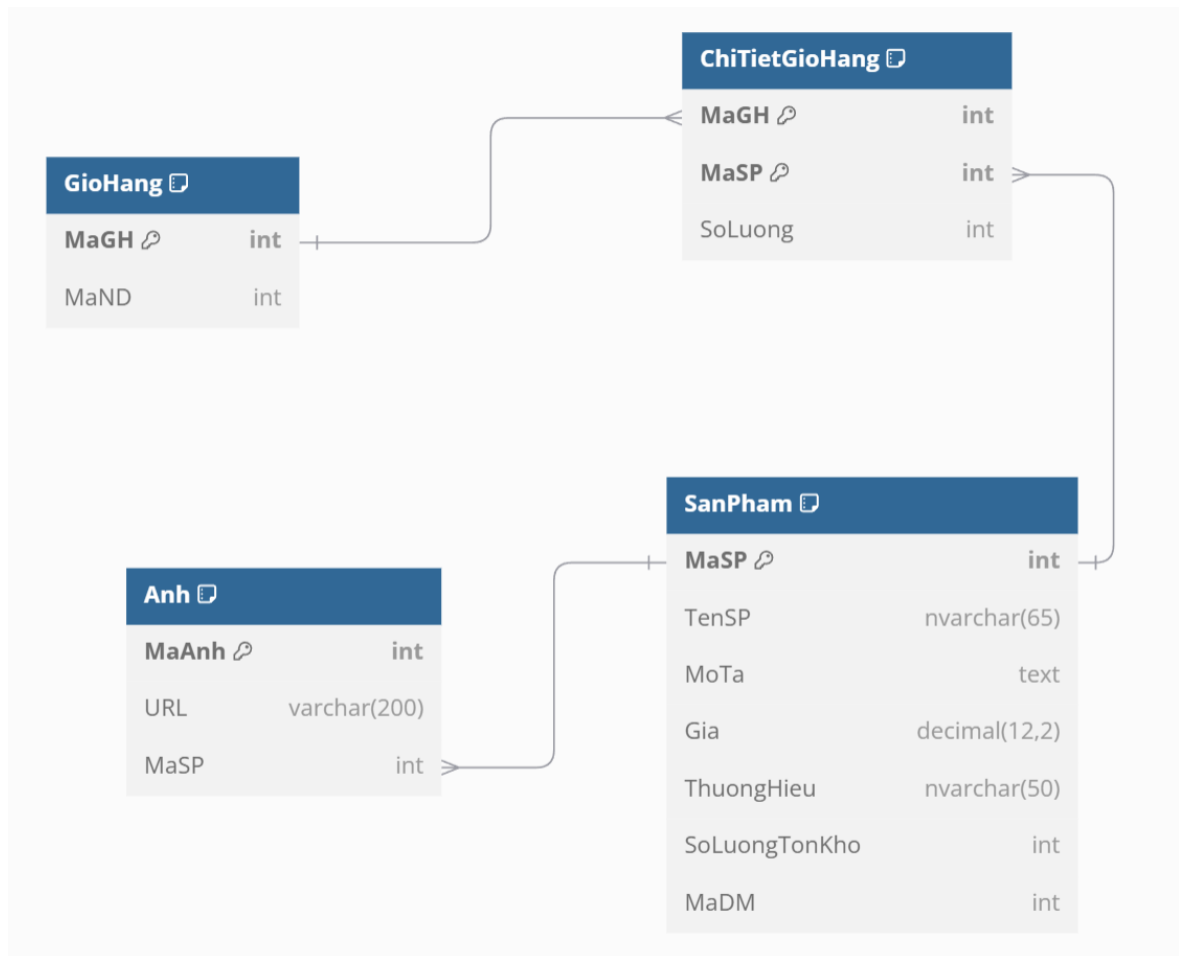
Khách hàng chọn nút “+” để tăng số lượng sản phẩm hoặc “-” để giảm số lượng sản phẩm có trong giỏ hàng. Hệ thống sẽ cập nhật số lượng sản phẩm đó ở bảng ChiTietGioHang, sau đó cập nhật lại số lượng sản phẩm được chọn trong giỏ hàng.

3) Xóa sản phẩm:

Khách hàng chọn nút “Bỏ sản phẩm” trên một dòng sản phẩm trong giỏ hàng. Hệ thống sẽ xóa bản ghi chi tiết giỏ hàng có mã sản phẩm được chọn và cập nhật lại danh sách sản phẩm trong giỏ hàng.

Use case kết thúc.

○ Dữ liệu liên quan



1.2.4. Mô tả use case Theo dõi đơn hàng (Đào Xuân Giang)

○ Luồng cơ bản

1) Use case bắt đầu khi khách hàng chọn “Đơn hàng của bạn” trong trang Tài khoản. Hệ thống lấy thông tin từ bảng DonHang và hiển thị các thông tin đơn hàng như: mã đơn hàng, ngày tạo, địa chỉ, giá trị đơn hàng, trạng thái thanh toán và trạng thái vận chuyển từ bảng DonHang, DiaChi.

2) Xem chi tiết:

Khách hàng bấm vào mã đơn hàng. Hệ thống điều hướng khách hàng tới trang chi tiết đơn hàng đó. Hệ thống lấy thông tin gồm mã đơn hàng, ngày đặt hàng, địa chỉ giao hàng, phương thức thanh toán, ghi chú, trạng thái vận chuyển, trạng thái thanh toán, danh sách các sản phẩm gồm tên sản

1.2.5. Mô tả use case Quản lý đánh giá (Nguyễn Thành Đạt)

○ Luồng cơ bản

1) Use case này bắt đầu khi người quản trị kích chuột vào nút “Đánh giá” trên thanh menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của đánh giá như: mã đánh giá, tên người dùng, tên sản phẩm, số sao, nội dung, ảnh, trạng thái duyệt, thời gian tạo từ bảng DanhGia, SanPham, NguoiDung và hiển thị lên màn hình.

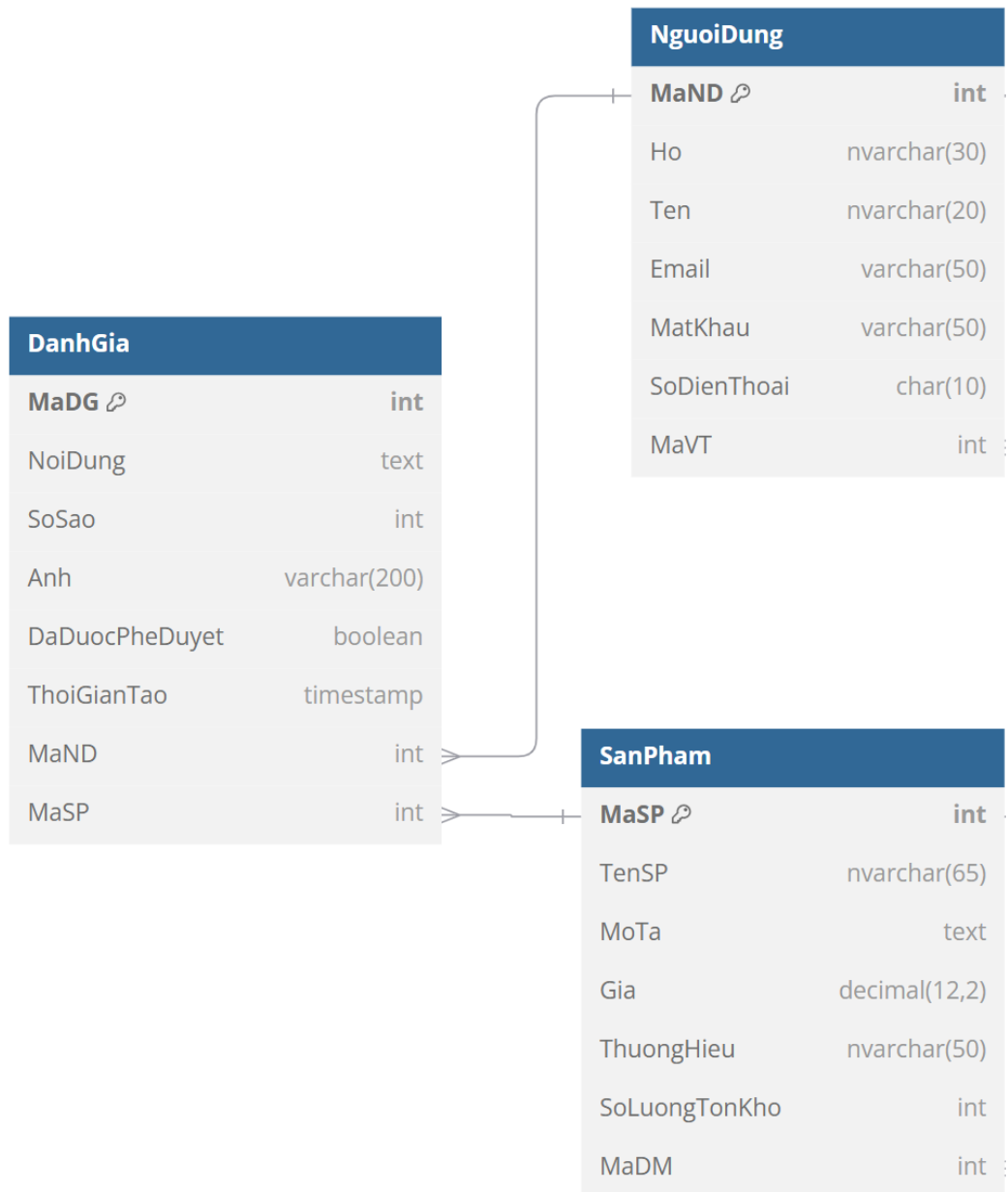
2) Duyệt đánh giá:

a. Người quản trị kích vào nút “Duyệt” trên một dòng chứa thông tin chi tiết đánh giá. Hệ thống sẽ đưa ra thông báo “Bạn có chắc chắn muốn duyệt đánh giá này?” lên màn hình.

b. Người quản trị kích vào nút “Đồng ý” trên thông báo hệ thống đã đưa ra. Hệ thống sẽ sửa trạng thái duyệt của đánh giá được chọn và hiển thị lại danh sách các đánh giá sau khi cập nhật.

Use case kết thúc.

○ **Dữ liệu liên quan**



1.2.6. Mô tả use case Quản lý đơn hàng (Vũ Đức Thiệp)

○ Luồng cơ bản

1) Use case này bắt đầu khi người quản trị bấm vào nút “Đơn hàng” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin và thực hiện tính toán số liệu chi tiết các đơn hàng gồm mã đơn hàng, tên người đặt hàng, ngày tạo, phí vận chuyển, số lượng sản phẩm, tổng tiền từ bảng ChiTietDonHang , DonHang, NguoiDung trong cơ sở dữ liệu và hiển thị lên màn hình danh sách đơn hàng.

2) Xem chi tiết đơn hàng:

Người quản trị kích vào nút “Xem chi tiết” trên một dòng đơn hàng. Hệ thống sẽ lấy thông tin chi tiết về đơn hàng bao gồm mã đơn hàng, trạng thái đơn hàng, trạng thái vận chuyển, trạng thái thanh toán, ngày tạo, ghi chú, phí vận chuyển, tổng tiền sản phẩm từ bảng DonHang; mã, họ và tên, email, số điện thoại, phường, thị xã, tỉnh, của người đặt hàng từ bảng NguoiDung, DiaChi; danh sách sản phẩm gồm mã sản phẩm, tên sản phẩm, giá, kích thước, số lượng từ bảng ChiTietDonHang, SanPham; CODE, số tiền giảm từ bảng MaGiamGia.

3) Đổi trạng thái đơn hàng

a. Người quản trị kích vào nút “Trạng thái đơn hàng” trong trong màn “Chi tiết đơn hàng”. Hệ thống hiển thị form gồm ba phần trạng thái là Trạng thái thanh toán (Đã thanh toán, chưa thanh toán), Trạng thái vận chuyển (Chưa vận chuyển, đang vận chuyển, hoàn thành), Trạng thái đơn hàng (Chờ xác nhận, Đã xác nhận, Đã hủy).

b. Người quản trị kích chọn một trong các trạng thái đó. Hệ thống ẩn đi danh sách trạng thái và yêu cầu người dùng nhấn nút “Lưu”.

c. Người quản trị nhấn nút “Lưu”. Hệ thống sửa các trạng thái của đơn hàng được chọn từ bảng DonHang và hiển thị chi tiết đơn hàng đã được cập nhật.

Use case kết thúc.

○ Dữ liệu liên quan:



1.2.7. Mô tả use case Bảo trì danh mục (Trịnh Hoài Đức)

○ **Luồng cơ bản:**

1) Use case này bắt đầu khi người quản trị bấm vào nút “Danh mục” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết các danh mục gồm mã danh mục và tên danh mục từ bảng DanhMuc trong cơ sở dữ liệu và hiển thị lên màn hình danh sách danh mục cha và danh sách các danh mục con (nếu có) nằm bên dưới danh mục cha.

2) Thêm danh mục:

a. Người quản trị kích vào nút “Thêm mới” trên cửa sổ danh sách danh mục. Hệ thống yêu cầu nhập thông tin danh mục gồm tên danh mục và lựa chọn danh mục cha đang có trong hệ thống.

b. Người quản trị nhập tên danh mục và lựa chọn một danh mục cha hiện có. Nếu không lựa chọn một danh mục cha, hệ thống sẽ lưu định nghĩa danh mục đó là danh mục cha. Sau đó, người quản trị nhấn lưu, hệ thống tạo một danh mục mới trong bảng DanhMuc và hiển thị danh sách danh mục đã được cập nhật.

3) Sửa danh mục:

a. Người quản trị kích vào nút “Sửa” trên một dòng danh mục. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của danh mục được chọn gồm mã danh mục, tên danh mục, tên danh mục cha (nếu có) từ bảng DanhMuc và hiển thị lên màn hình.

b. Người quản trị nhập thông tin mới cho tên danh mục, chọn lại danh mục cha. Sau đó nhấn nút lưu, hệ thống sẽ sửa thông tin của danh mục được chọn trong bảng DanhMuc và hiển thị danh sách danh mục đã được cập nhật.


4) Xoá danh mục:

a. Người quản trị kích vào nút “Xoá” trên một dòng danh mục. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xoá.

b. Người quản trị kích vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ xoá danh mục được chọn và toàn bộ danh mục con (nếu danh mục được chọn là danh mục cha). Sau đó hiển thị lại danh sách danh mục đã được cập nhật.

Use case kết thúc.

○ **Dữ liệu liên quan:**

DanhMuc	
MaDM 	int
TenDM	nvarchar
MaDMCha	int

1.2.8. Mô tả use case Quản lý người dùng (Đào Xuân Giang)

○ Luồng cơ bản:

1) Use case này bắt đầu khi người quản trị bấm vào nút “Tài khoản” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin từ bảng `NguoiDung`, `VaiTro` gồm mã người dùng, tên vai trò, họ, tên, email, số điện thoại, rồi hiển thị danh sách tài khoản lên màn hình.

2) Thêm người dùng:

a. Người quản trị nhấn vào nút “Thêm tài khoản”: Hệ thống sẽ đưa ra một biểu mẫu gồm các thông tin như họ, tên, email, số điện thoại, mật khẩu, lựa chọn vai trò.

b. Người quản trị điền vào các trường và nhấn vào nút “Thêm” để tạo một tài khoản mới. Hệ thống sẽ thêm tài khoản này vào bảng `NguoiDung` và cập nhật lại danh sách người dùng lên màn hình.

3) Sửa tài khoản người dùng:

a. Người quản trị nhấn vào nút “Sửa” của một tài khoản. Hệ thống sẽ hiển thị biểu mẫu sửa thông tin tài khoản gồm các thông tin như họ, tên, email, số điện thoại, mật khẩu, lựa chọn vai trò.

b. Người quản trị nhập thông tin mới vào biểu mẫu và nhấn “Cập nhật”. Hệ thống sẽ sửa thông tin của tài khoản và hiển thị danh sách người dùng đã được cập nhật lên màn hình.

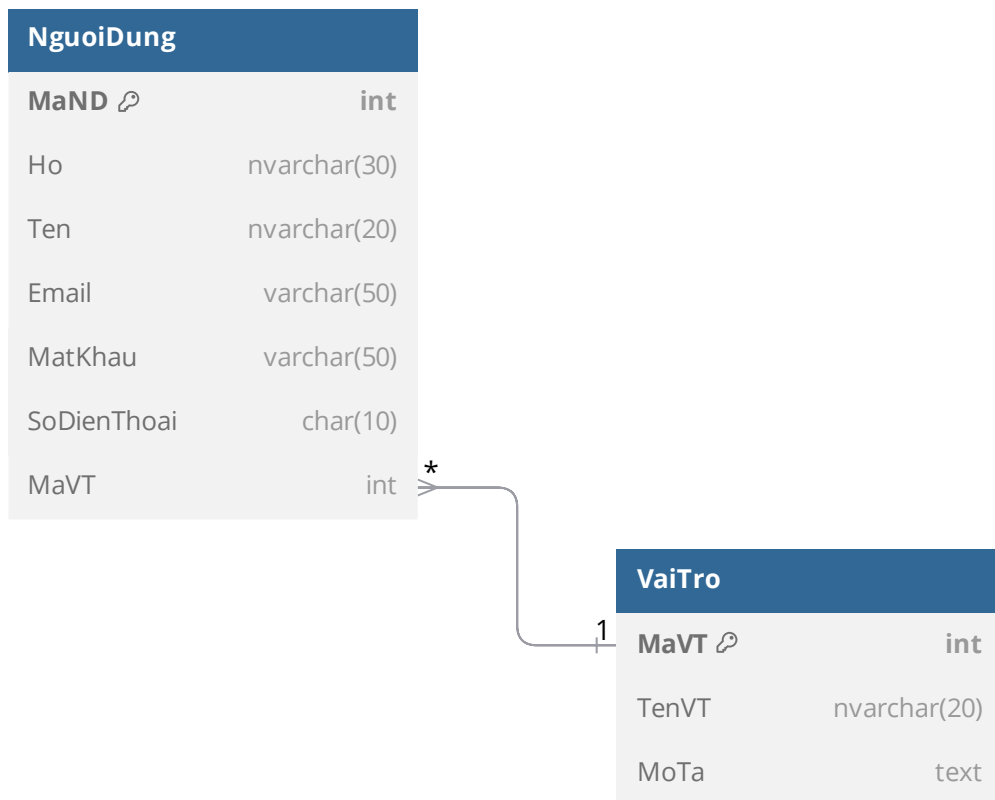
4) Xóa tài khoản:

a. Người quản trị nhấn vào nút “Xóa”. Hệ thống sẽ thông báo “Bạn có chắc muốn xóa tài khoản này ?” hiện lên.

b. Người quản trị nhấn “Đồng ý” trên thông báo hệ thống. Hệ thống sẽ xóa tài khoản này khỏi cơ sở dữ liệu và hiển thị danh sách tài khoản sau khi đã xóa.

Use case kết thúc.

- **Dữ liệu liên quan**

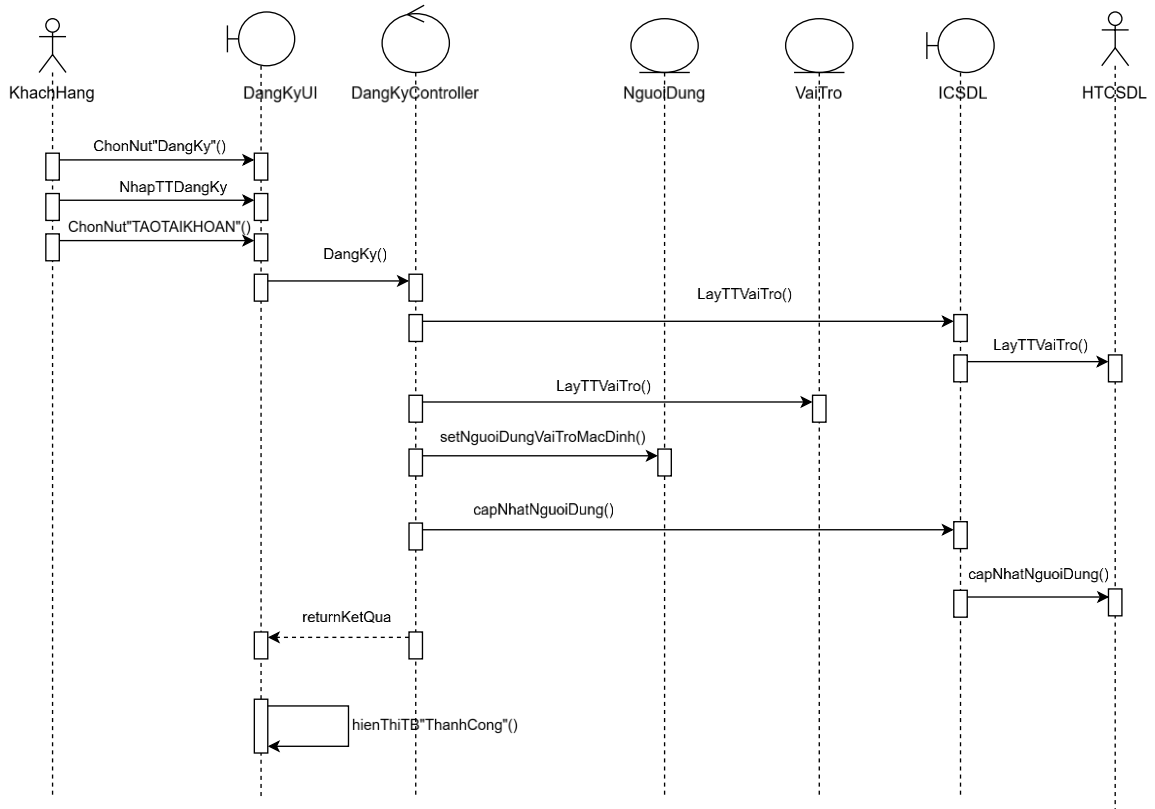


Chương 2: Phân tích use case

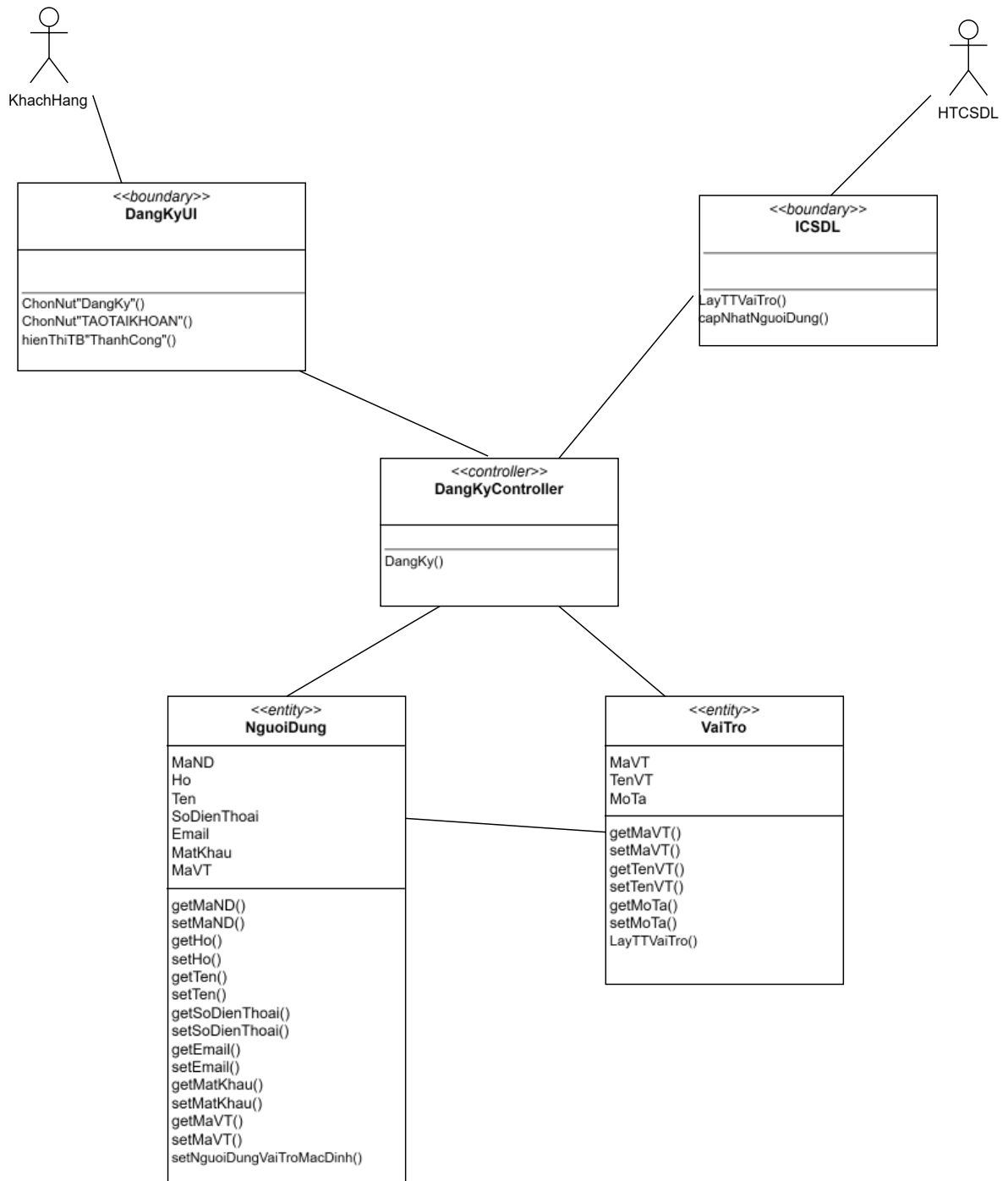
2.1. Phân tích các use case

2.1.1. Phân tích use case Đăng ký (Nguyễn Thành Đạt)

2.1.1.1. Biểu đồ trình tự

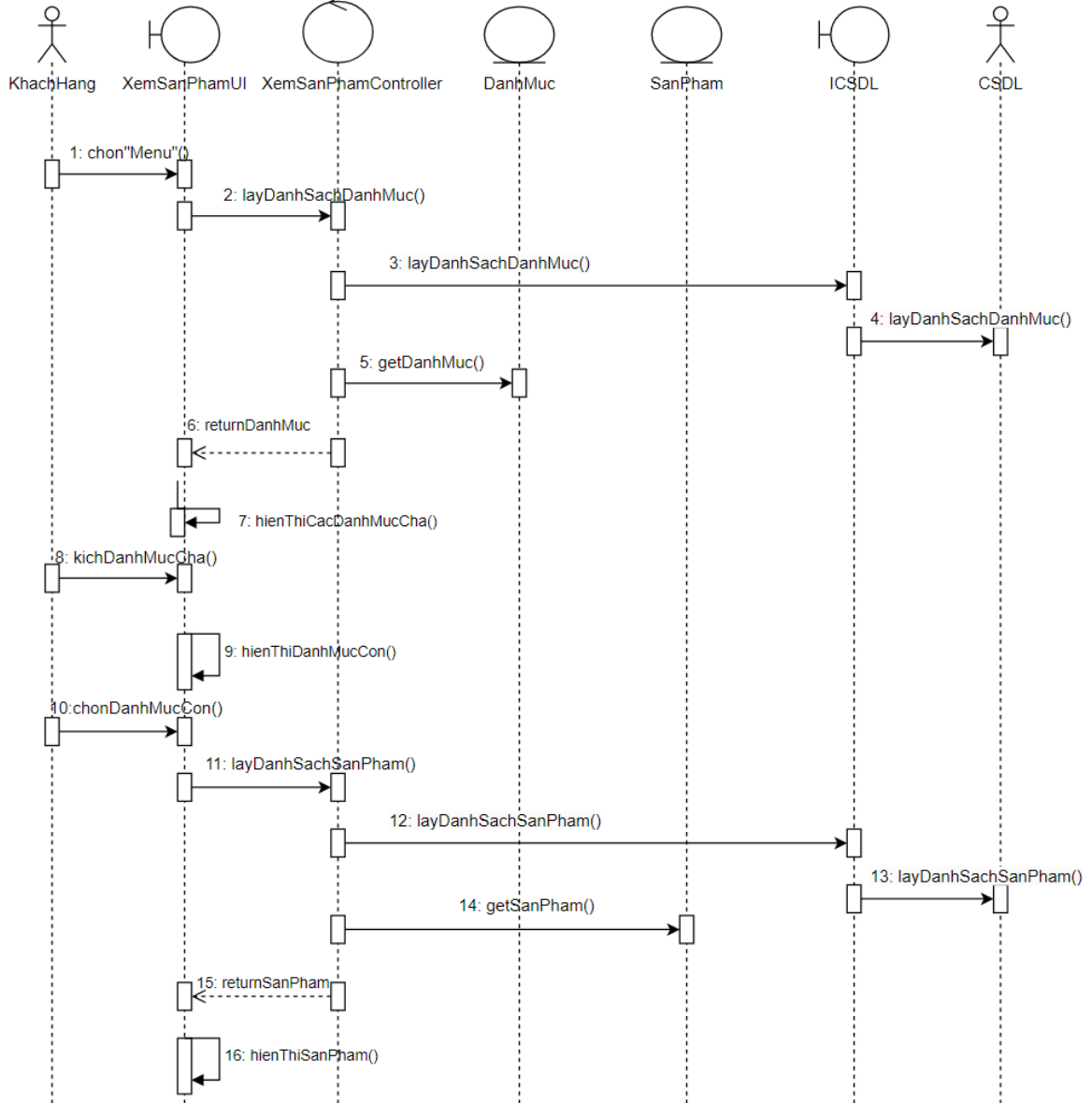


2.1.1.2. Biểu đồ lớp phân tích

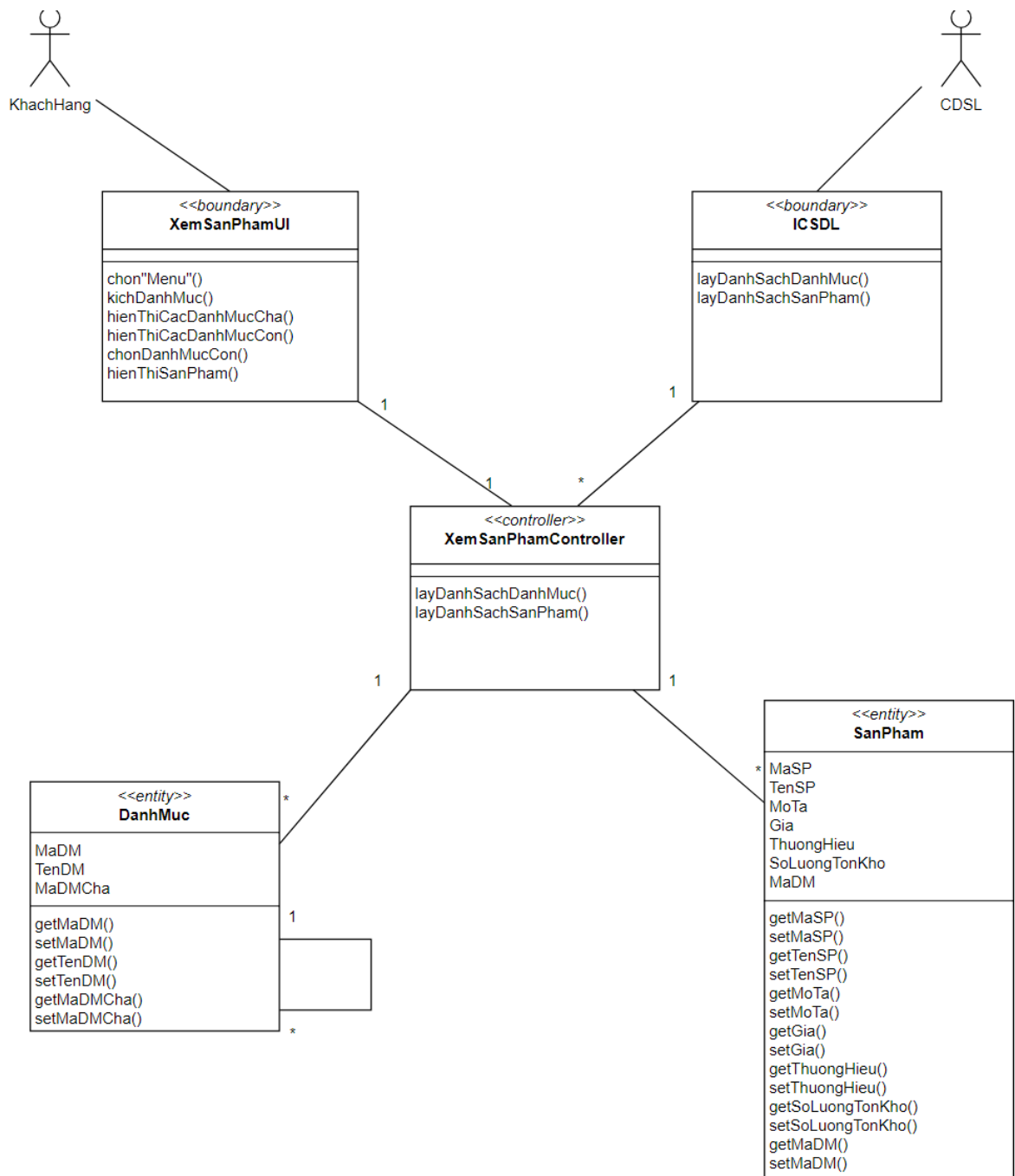


2.1.2. Phân tích use case Xem sản phẩm theo danh mục (Vũ Đức Thiệp)

2.1.2.1. Biểu đồ trình tự

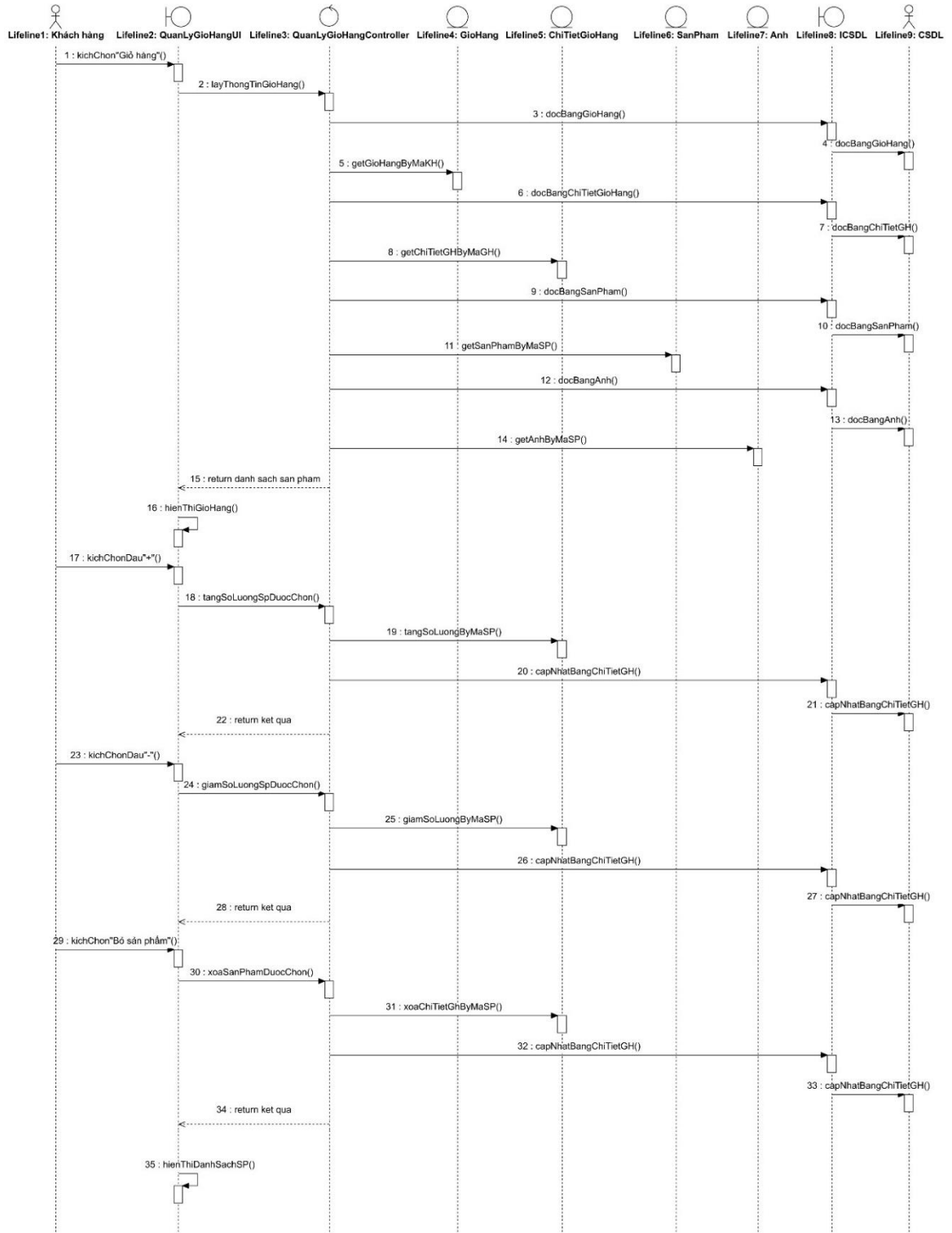


2.1.2.2. Biểu đồ lớp phân tích

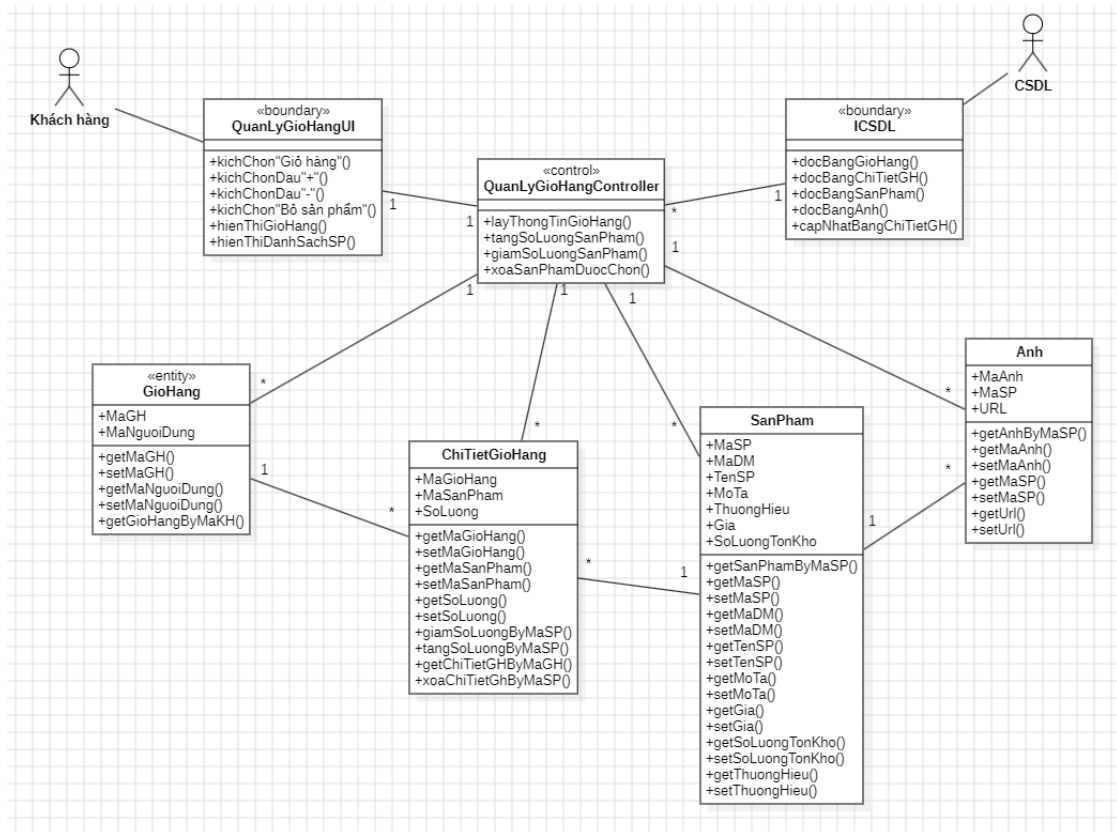


2.1.3. Phân tích use case Quản lý giỏ hàng (Trịnh Hoài Đức)

2.1.3.1. Biểu đồ trình tự

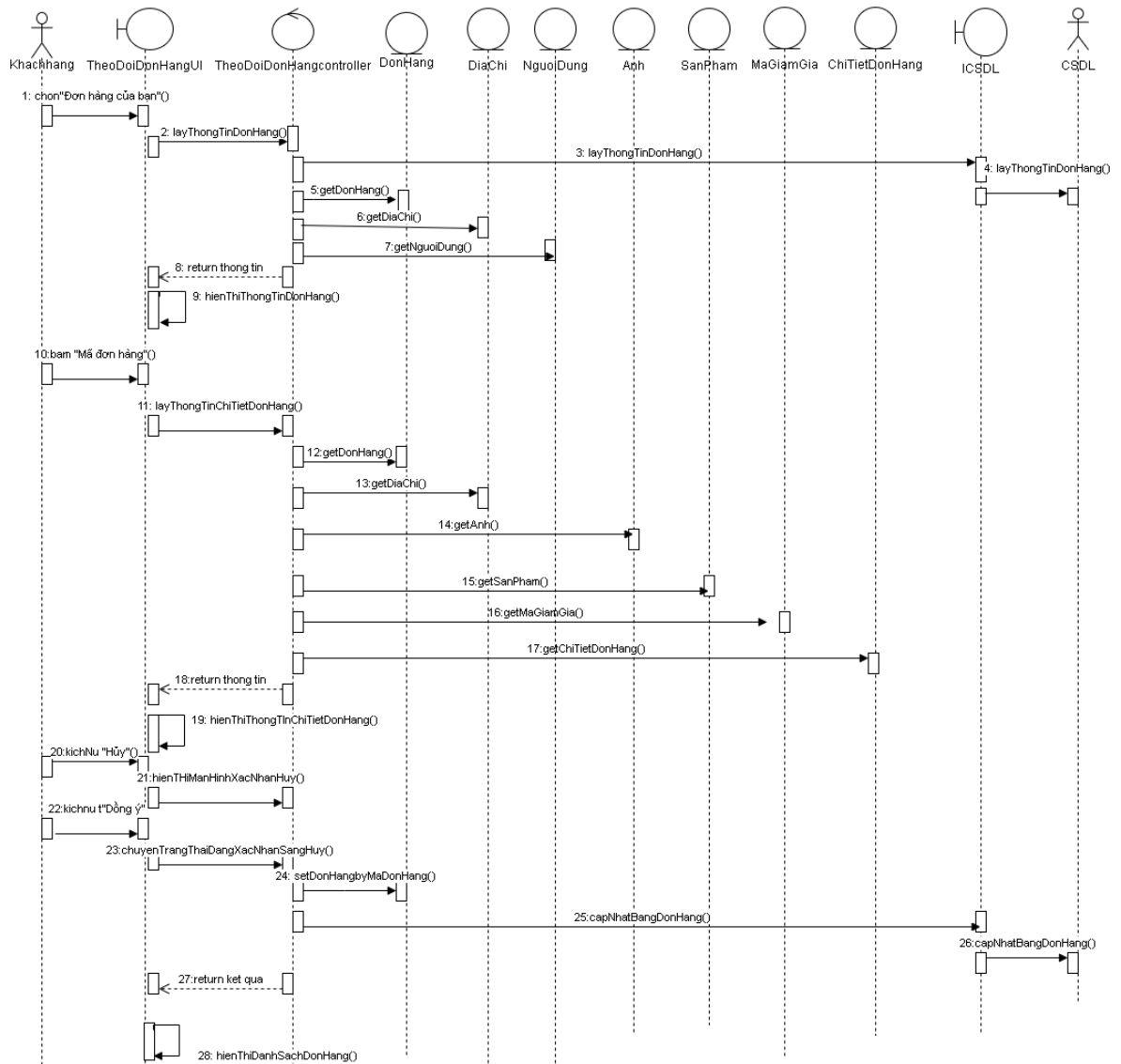


2.1.3.2. Biểu đồ lớp phân tích

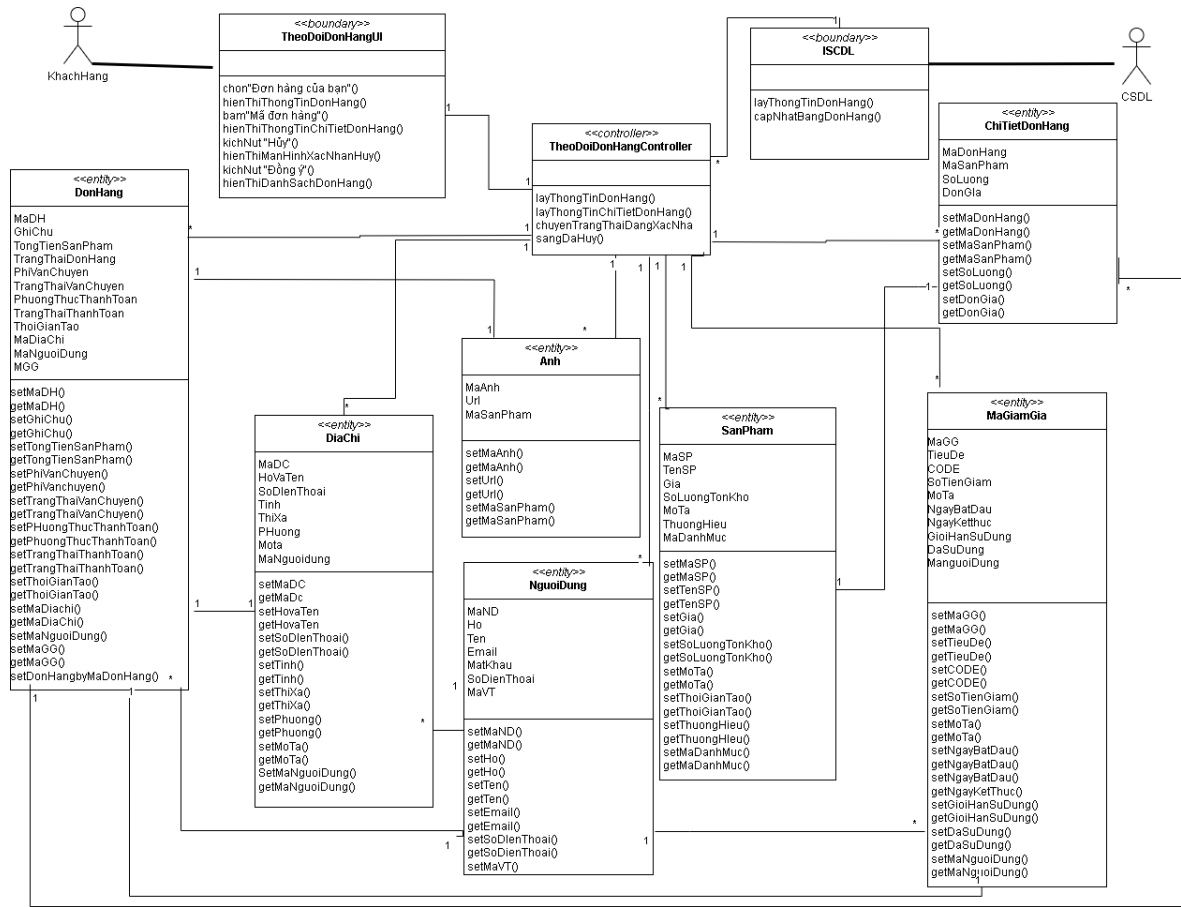


2.1.4. Phân tích use case Theo dõi đơn hàng (Đào Xuân Giang)

2.1.4.1. Biểu đồ trình tự

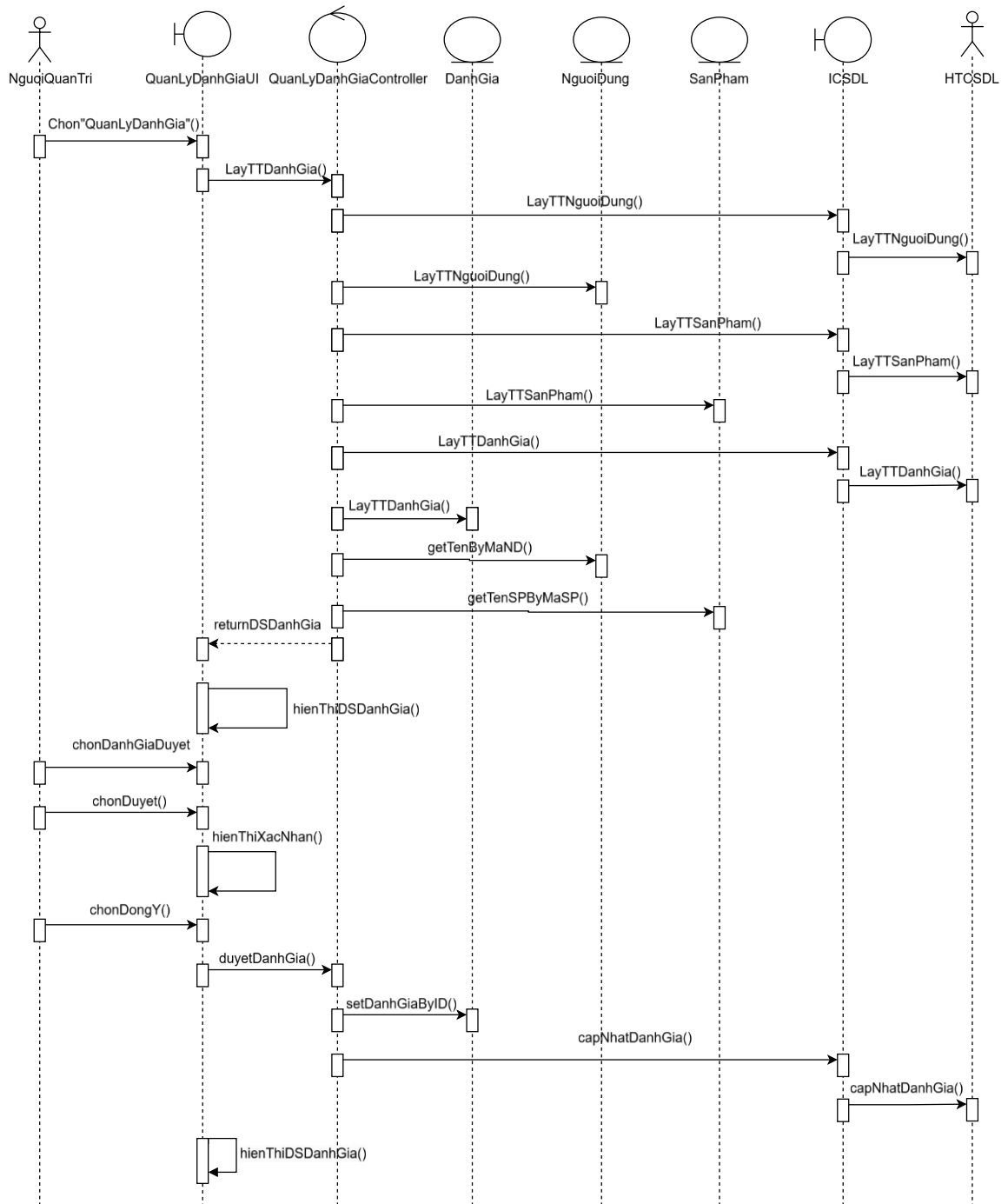


2.1.4.2. Biểu đồ lớp phân tích

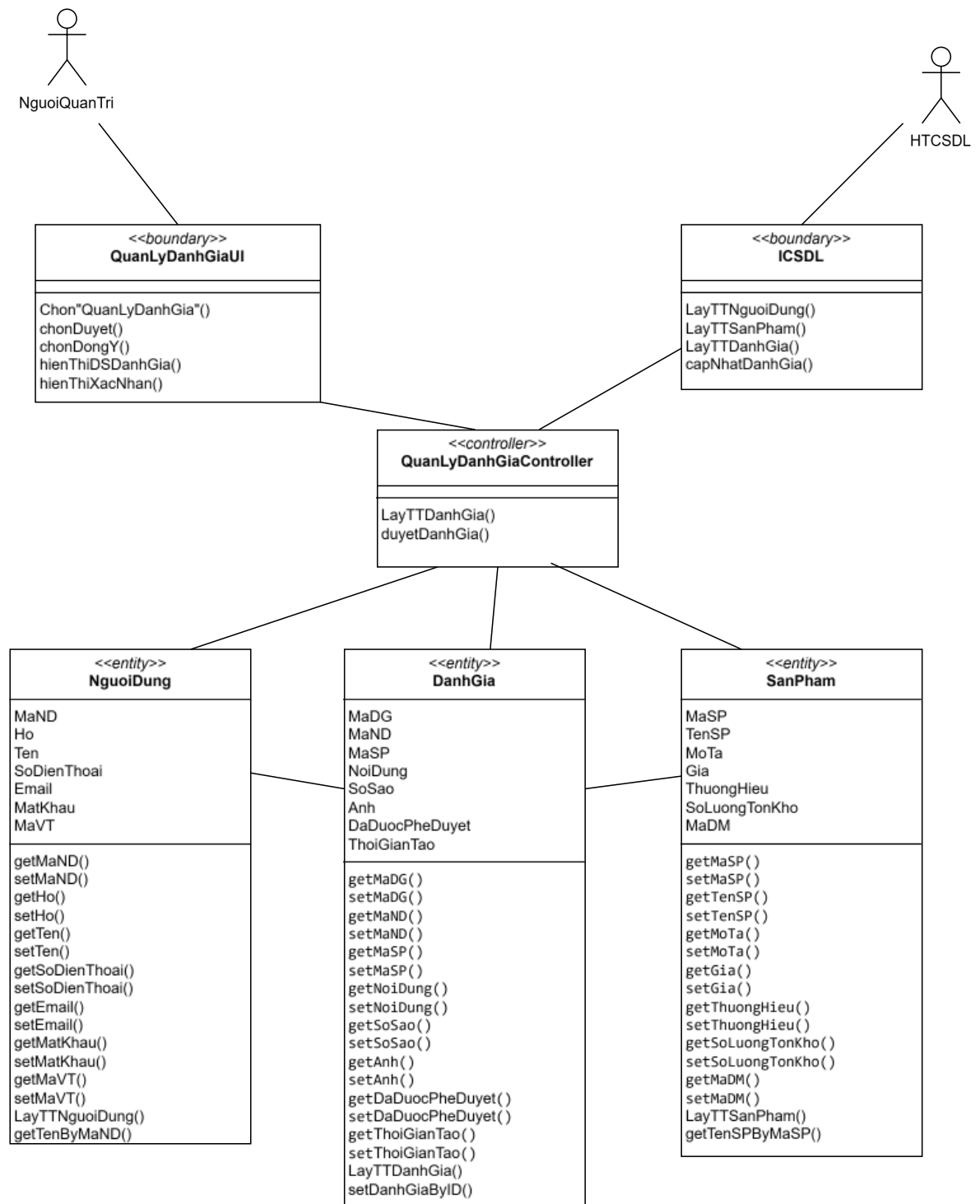


2.1.5. Phân tích use case Quản lý đánh giá (Nguyễn Thành Đạt)

2.1.5.1. Biểu đồ trình tự

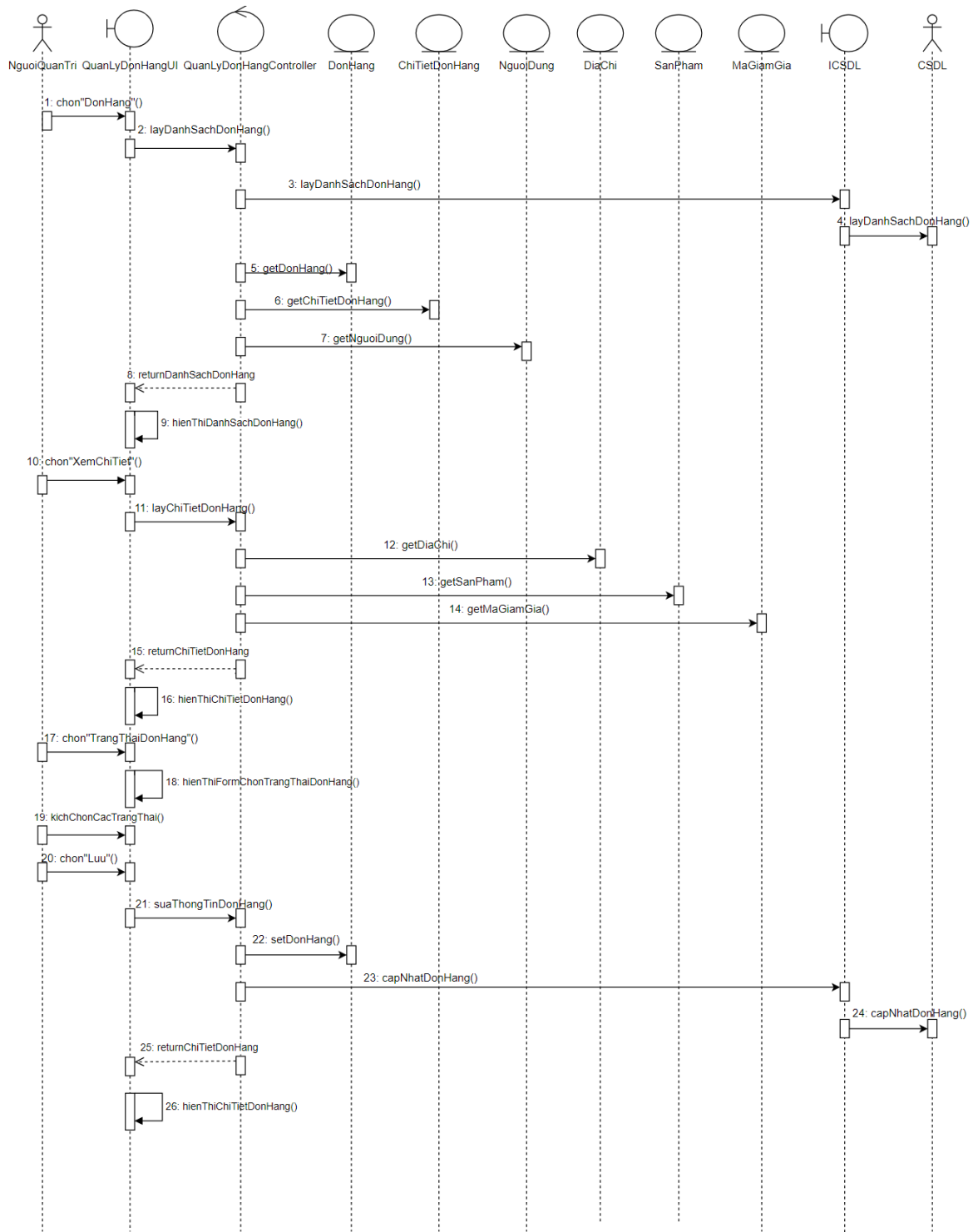


2.1.5.2. Biểu đồ lớp phân tích

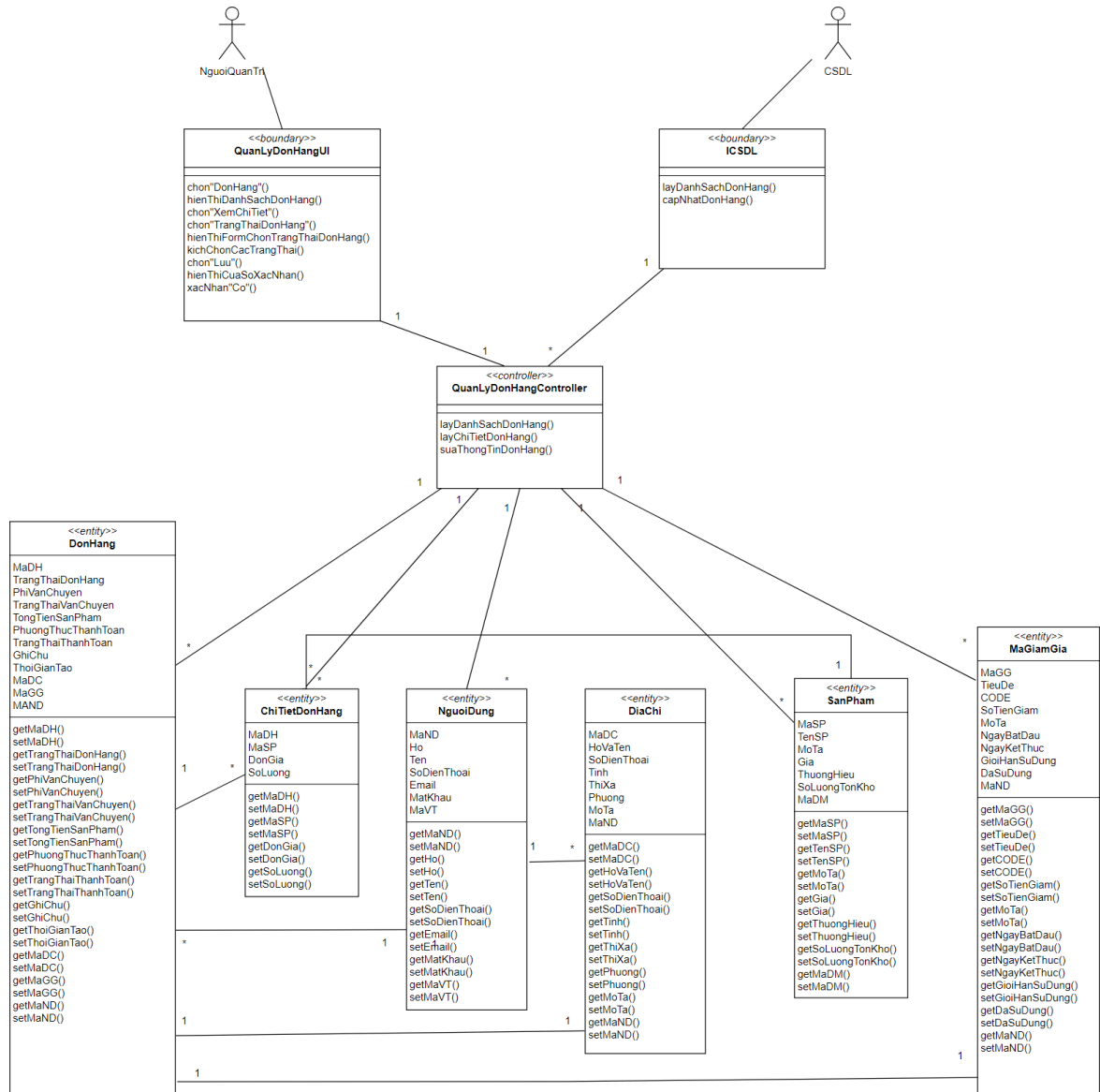


2.1.6. Phân tích use case Quản lý đơn hàng (Vũ Đức Thiệp)

2.1.6.1. Biểu đồ trình tự

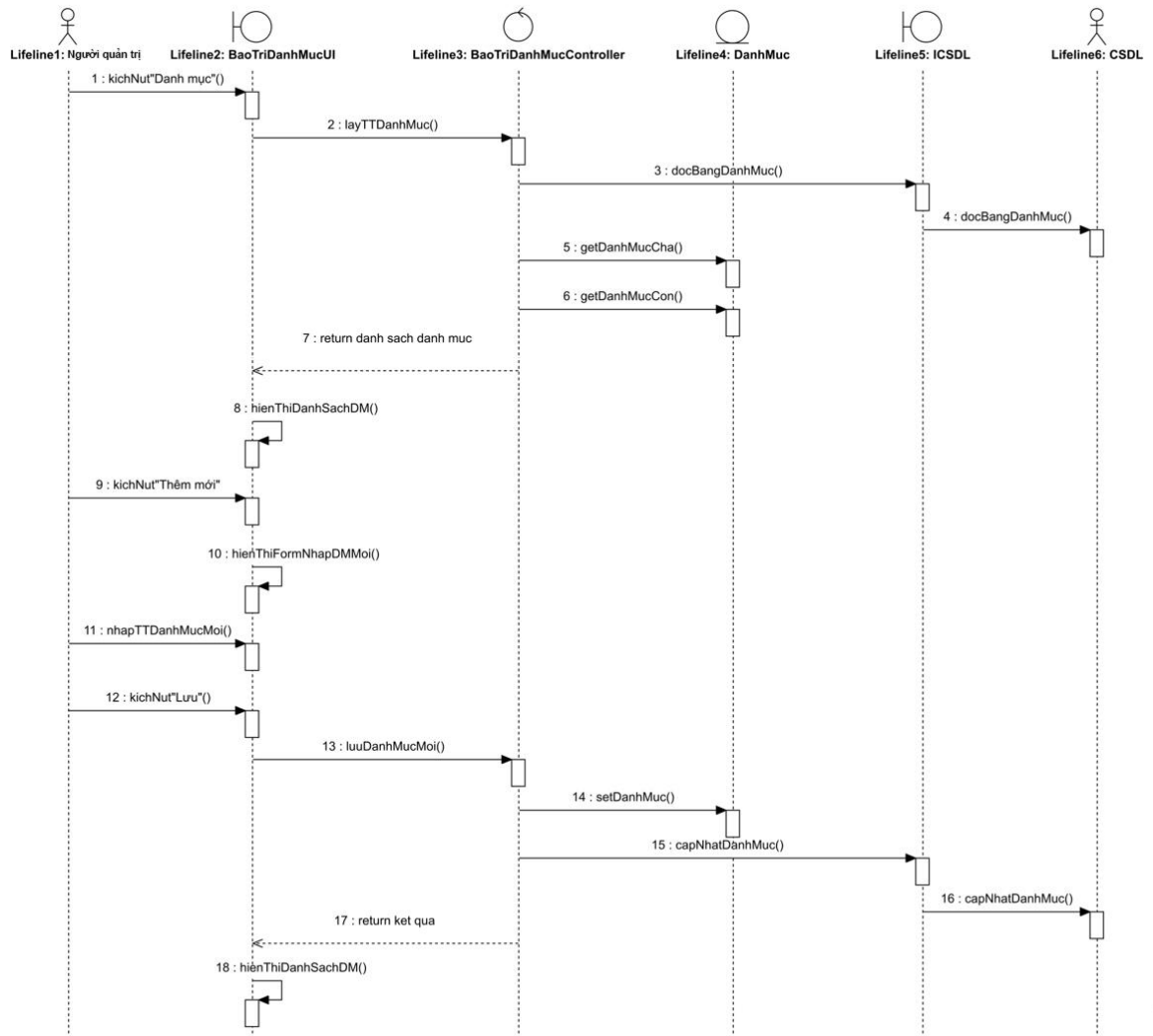


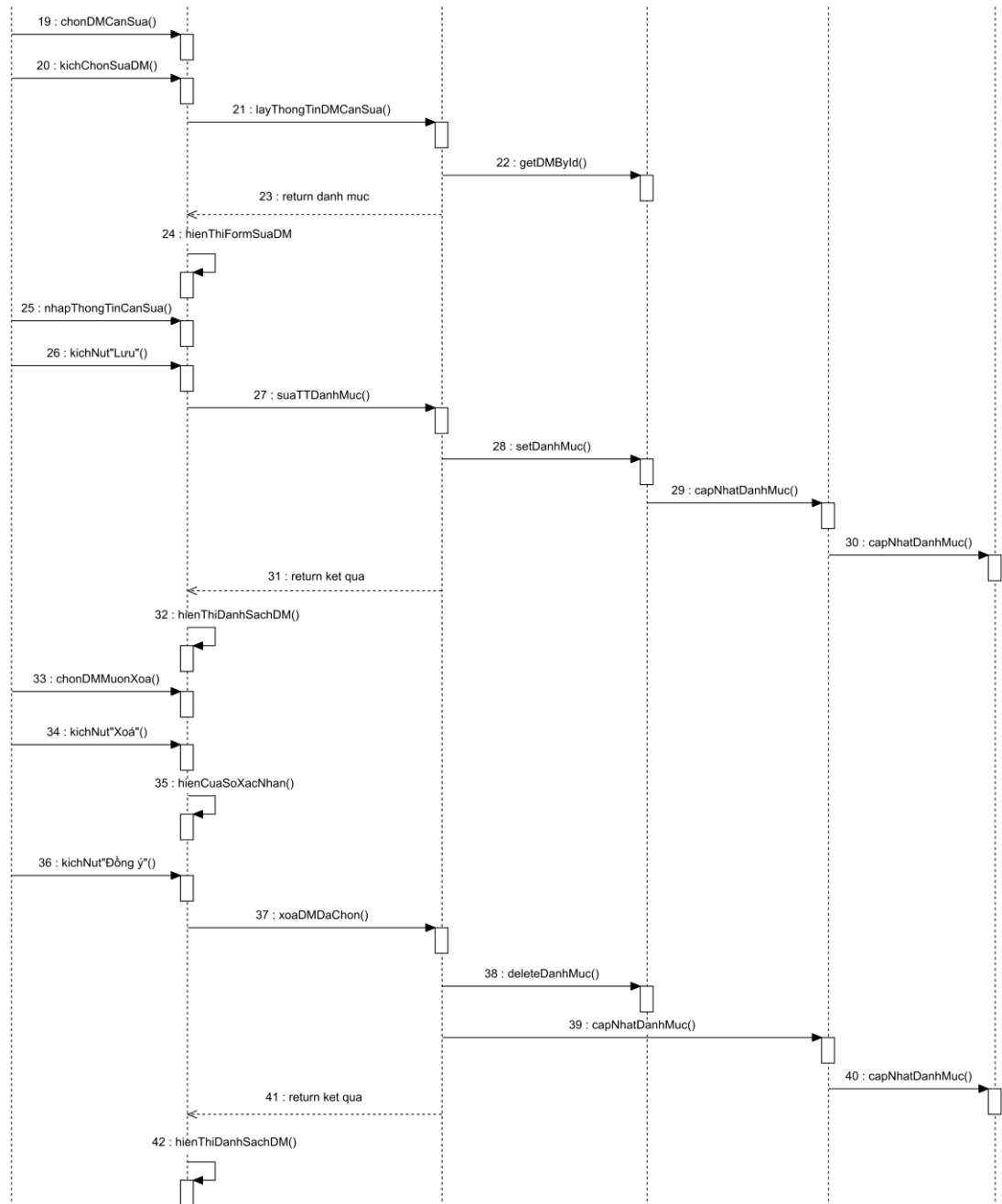
2.1.6.2. Biểu đồ lớp phân tích



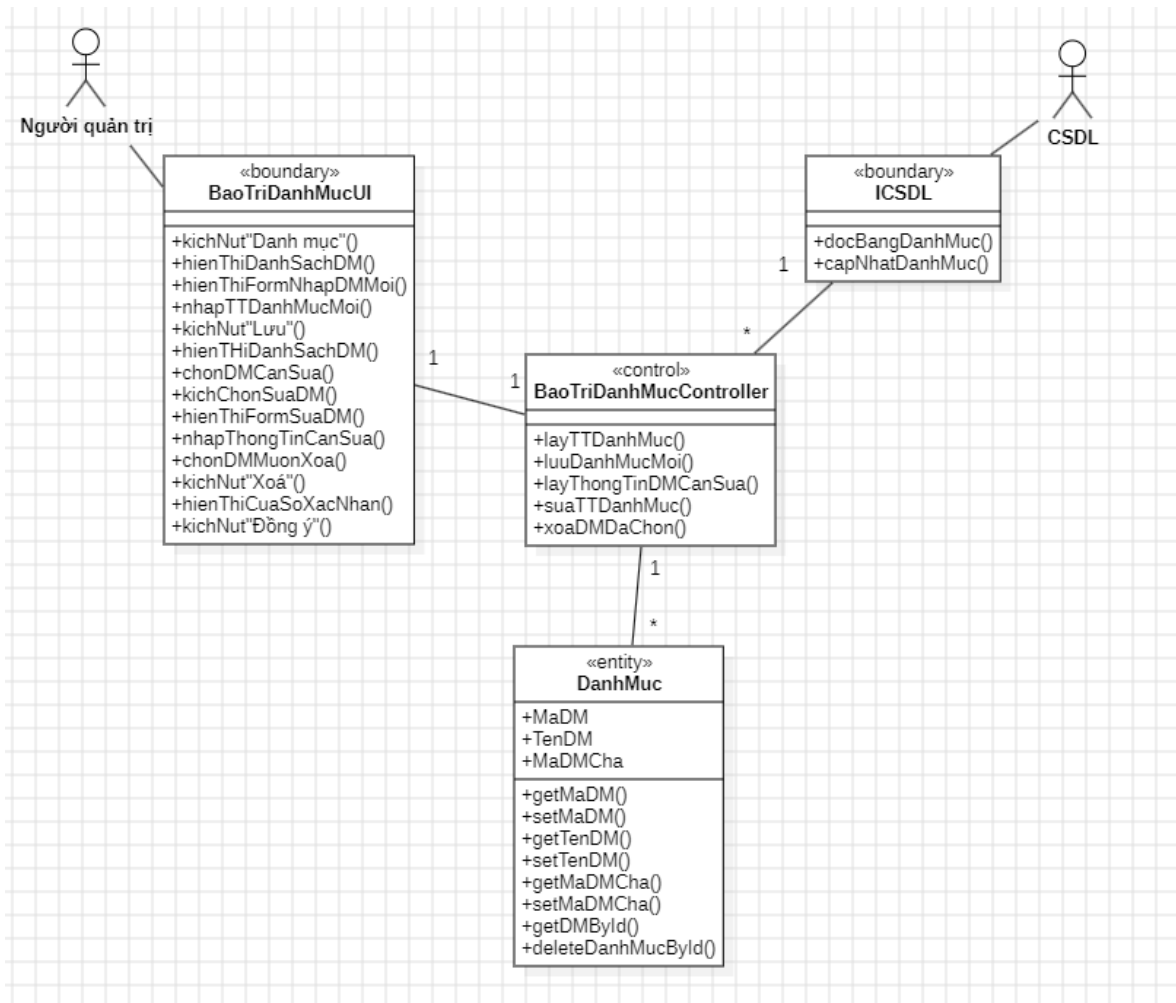
2.1.7. Phân tích use case Bảo trì danh mục (Trịnh Hoài Đức)

2.1.7.1. Biểu đồ trình tự



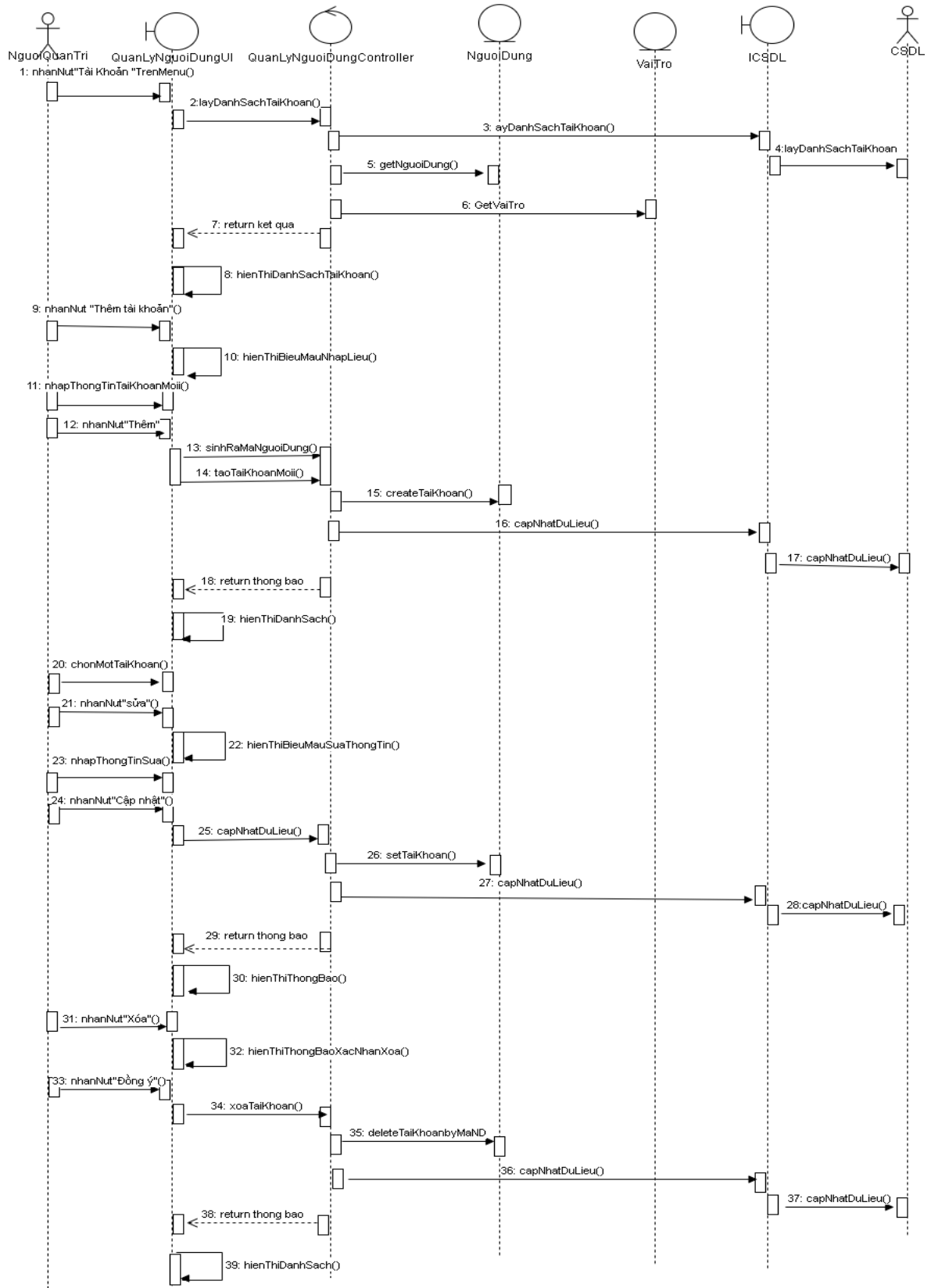


2.1.7.2. Biểu đồ lớp phân tích

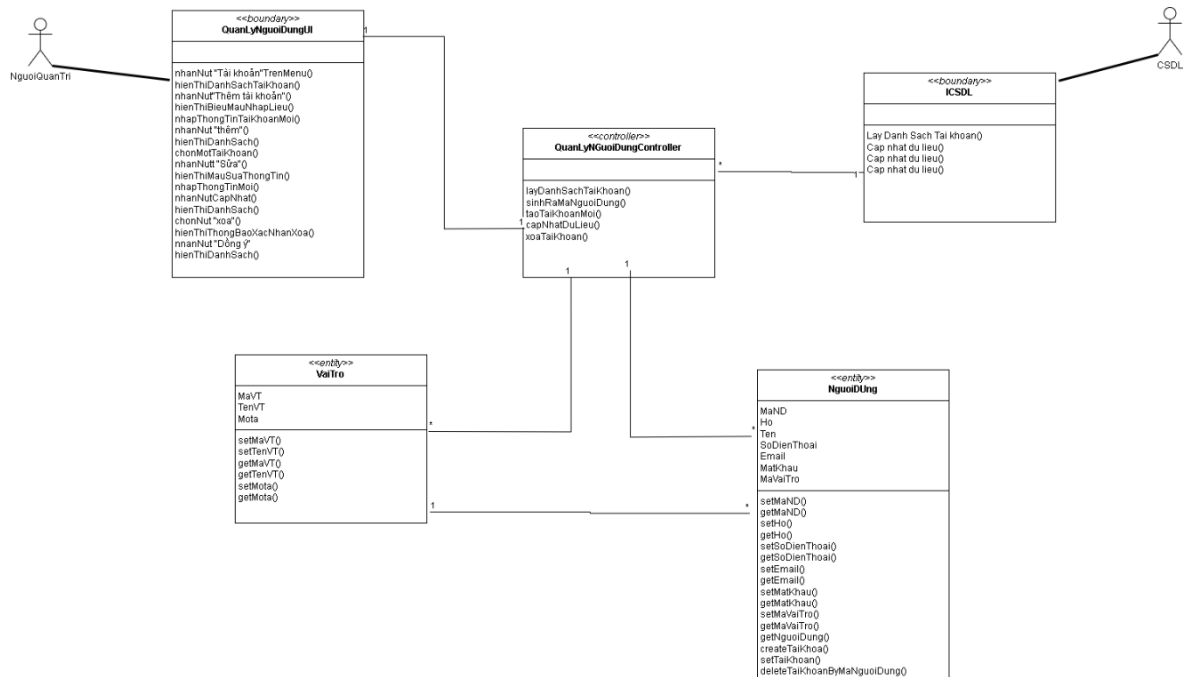


2.1.8. Phân tích use case Quản lý người dùng (Đào Xuân Giang)

2.1.8.1. Biểu đồ trình tự

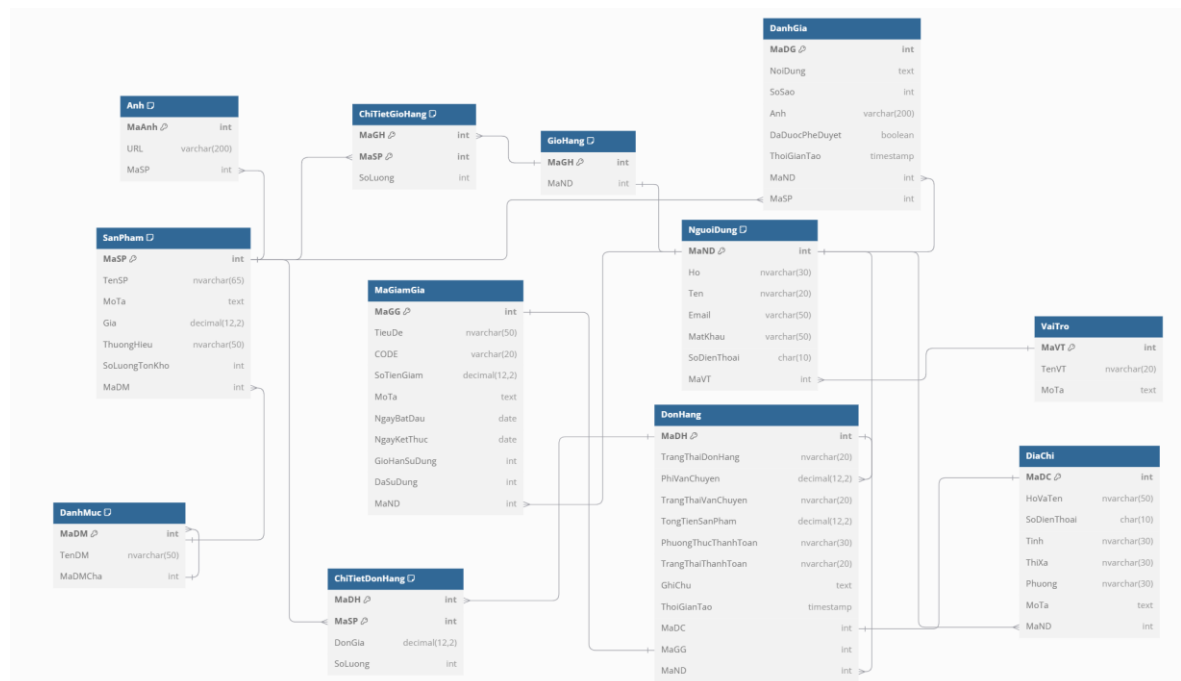


2.1.8.2. Biểu đồ lớp phân tích



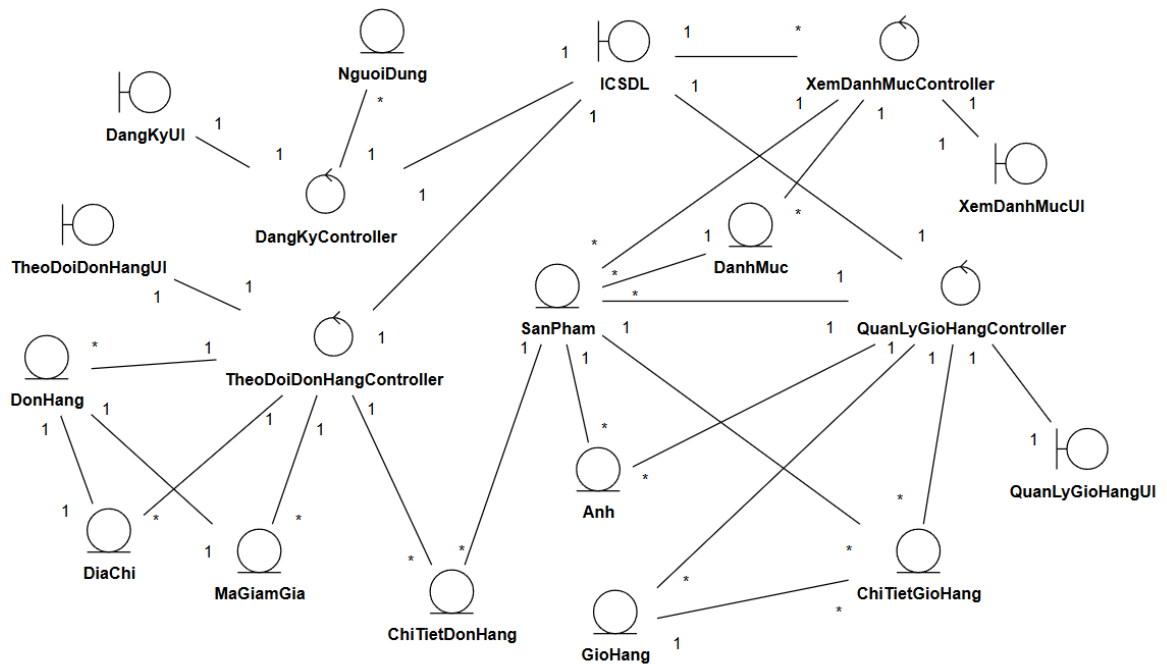
2.2. Các biểu đồ tổng hợp

2.2.1. Biểu đồ các lớp Entity của hệ thống

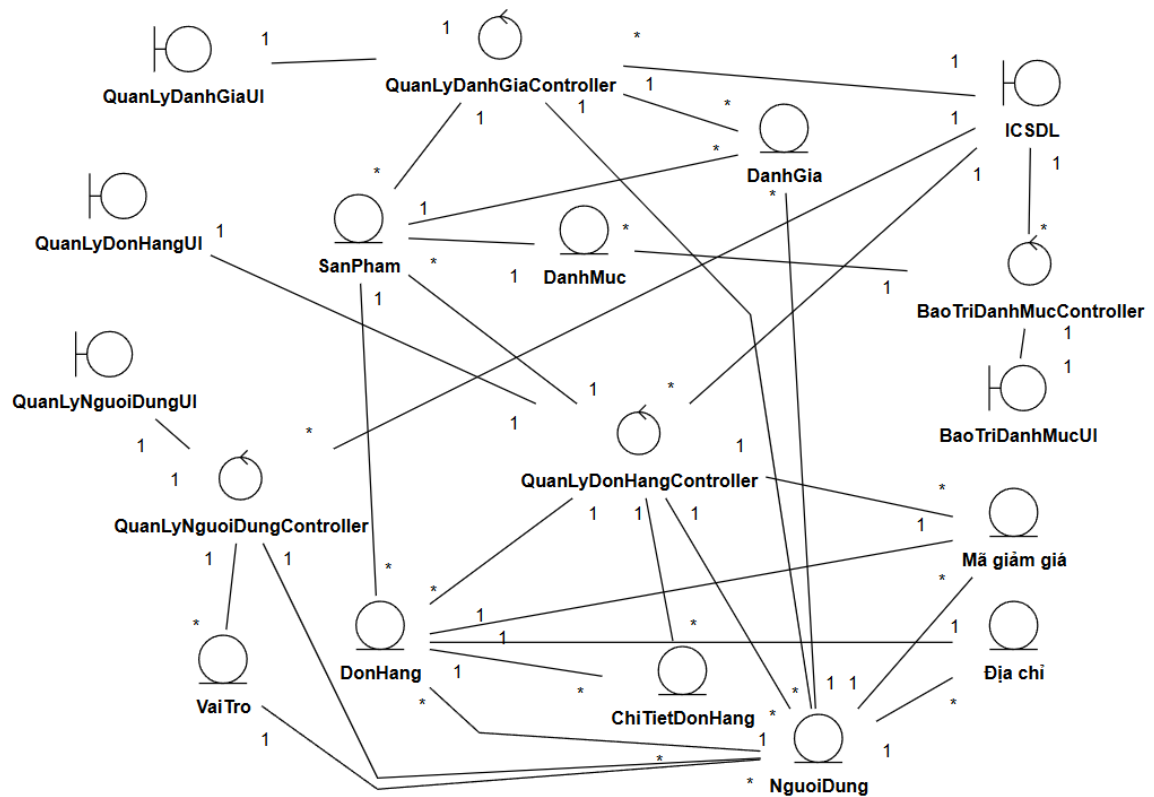


2.2.2. Biểu đồ các lớp phân tích của hệ thống

2.2.2.1. Biểu đồ các lớp phân tích của nhóm use case chính



2.2.2.2. Biểu đồ các lớp phân tích của nhóm use case thứ cấp



Chương 3: Thiết kế giao diện

3.1. Thiết kế giao diện cho các use case

3.1.1. Giao diện use case Đăng ký (Nguyễn Thành Đạt)

3.1.1.1. Hình dung màn hình

The image displays two wireframe screens for a web application, connected by a red arrow indicating a flow from the login page to the registration page.

Top Screen (Login):

- Tab: Đăng nhập
- URL: <https://shop.highlandscoffee.com.vn/account/login>
- Header: MENU, LOGO, Search bar, User icon, Cart icon
- Form:
 - Buttons: Đăng nhập, Đăng ký
 - Input fields: Email, Mật khẩu
 - Button: Đăng nhập

Bottom Screen (Registration):

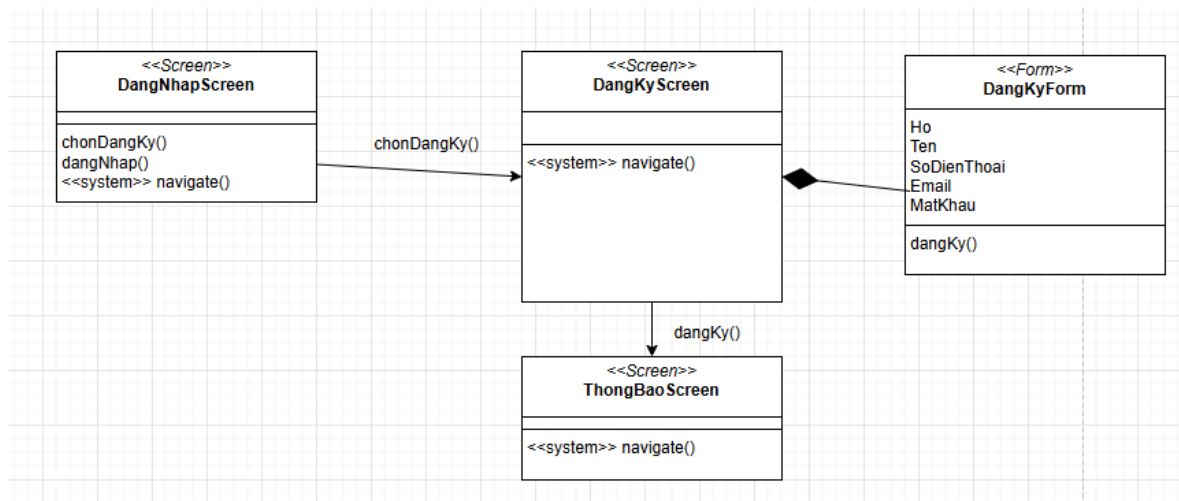
- Tab: Đăng ký
- URL: <https://shop.highlandscoffee.com.vn/account/register>
- Header: MENU, LOGO, Search bar, User icon, Cart icon
- Form:
 - Buttons: Đăng nhập, Đăng ký
 - Input fields: Họ, Tên, Số điện thoại, Email, Mật khẩu
 - Button: TẠO TÀI KHOẢN

A red arrow points from the "Đăng ký" button on the login screen to the "Đăng ký" tab on the registration screen. Another red arrow points from the "TẠO TÀI KHOẢN" button on the registration screen to a notification box.

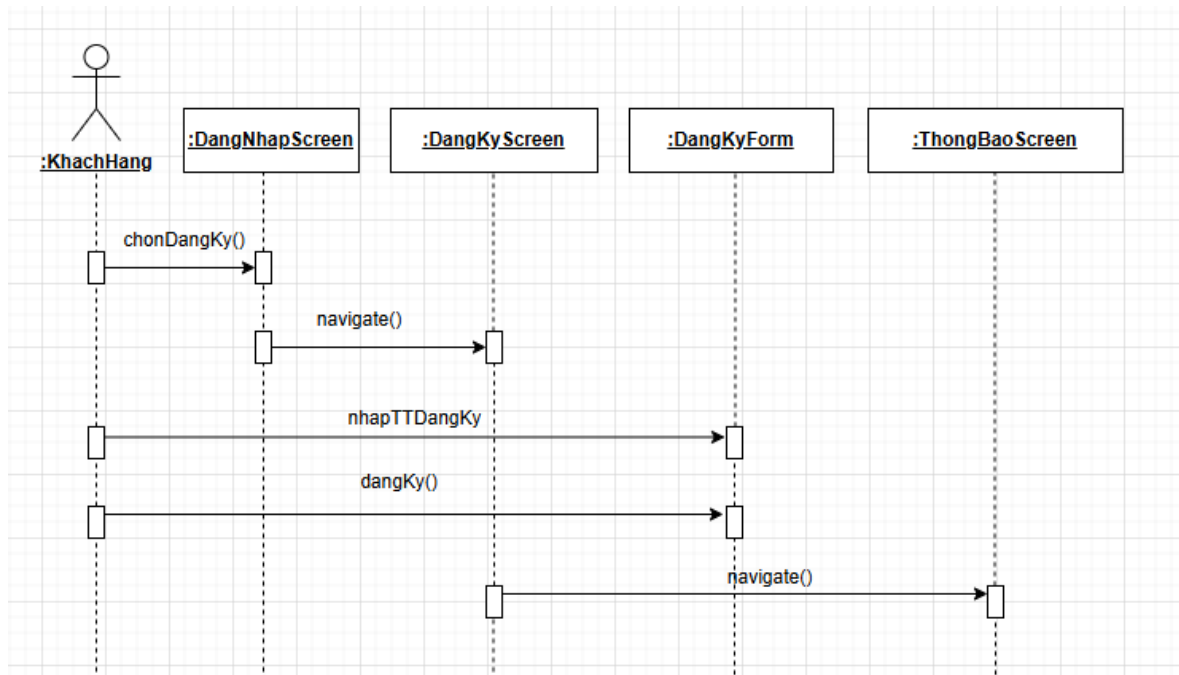
Notification Box:

- Text: Thông báo
- Text: Thành công
- Close button: X

3.1.1.2. Biểu đồ lớp màn hình

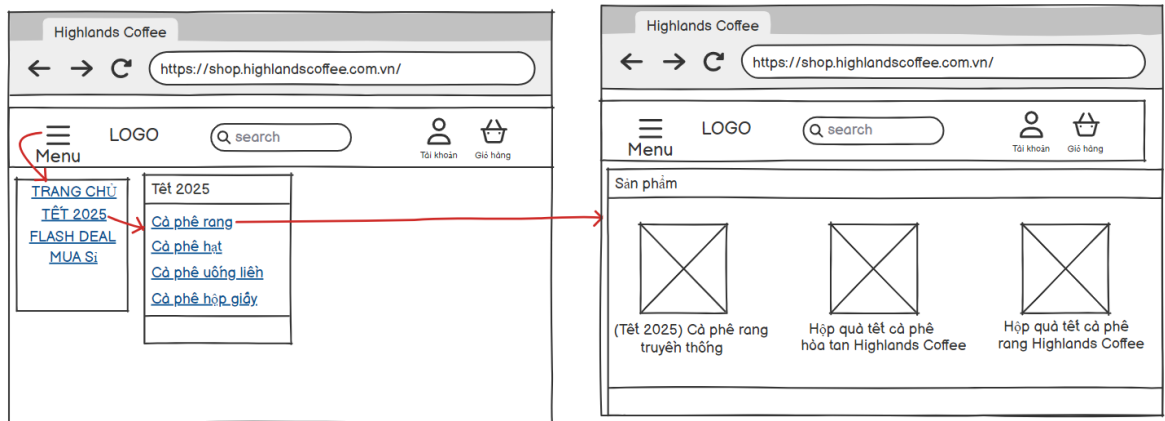


3.1.1.3. Biểu đồ cộng tác các màn hình

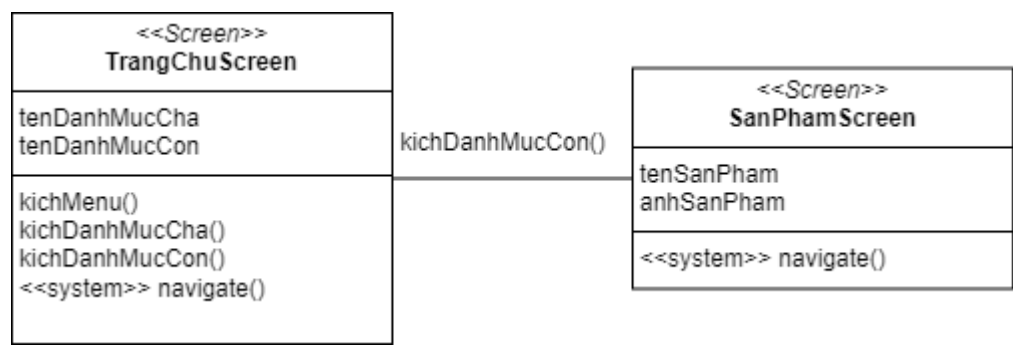


3.1.2. Giao diện use case Xem sản phẩm theo danh mục (Vũ Đức Thiệp)

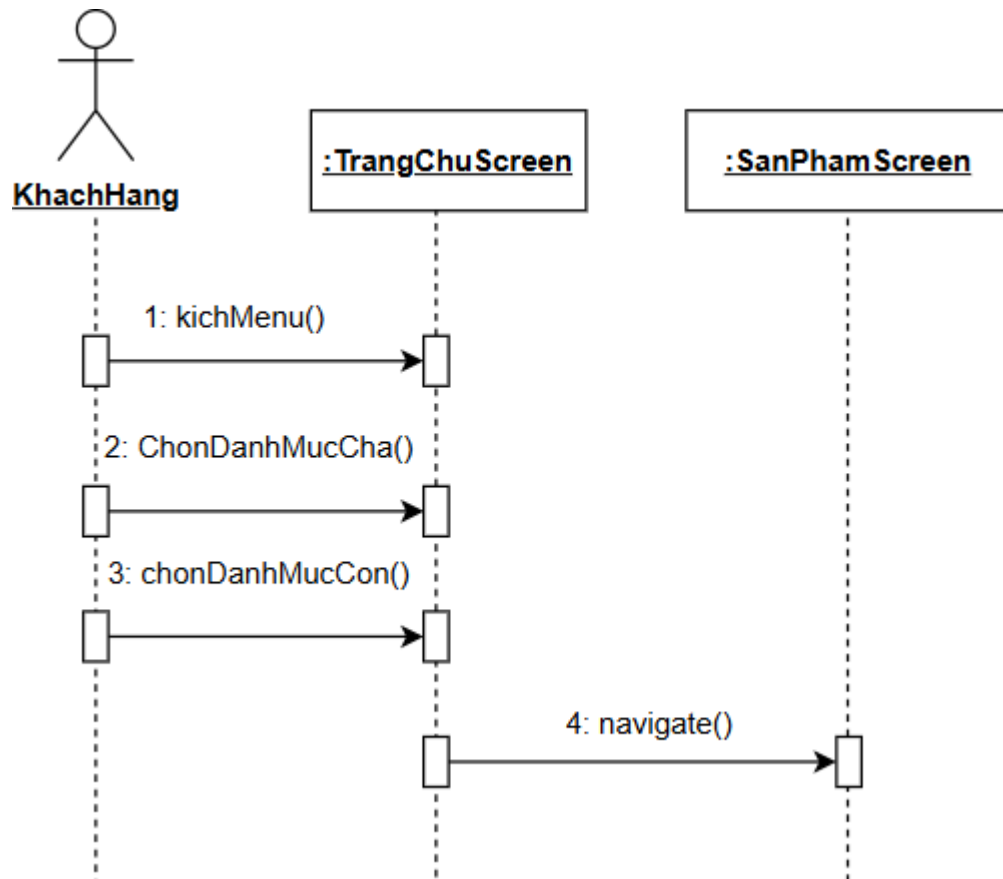
3.1.2.1. Hình dung màn hình



3.1.2.2. Biểu đồ lớp màn hình

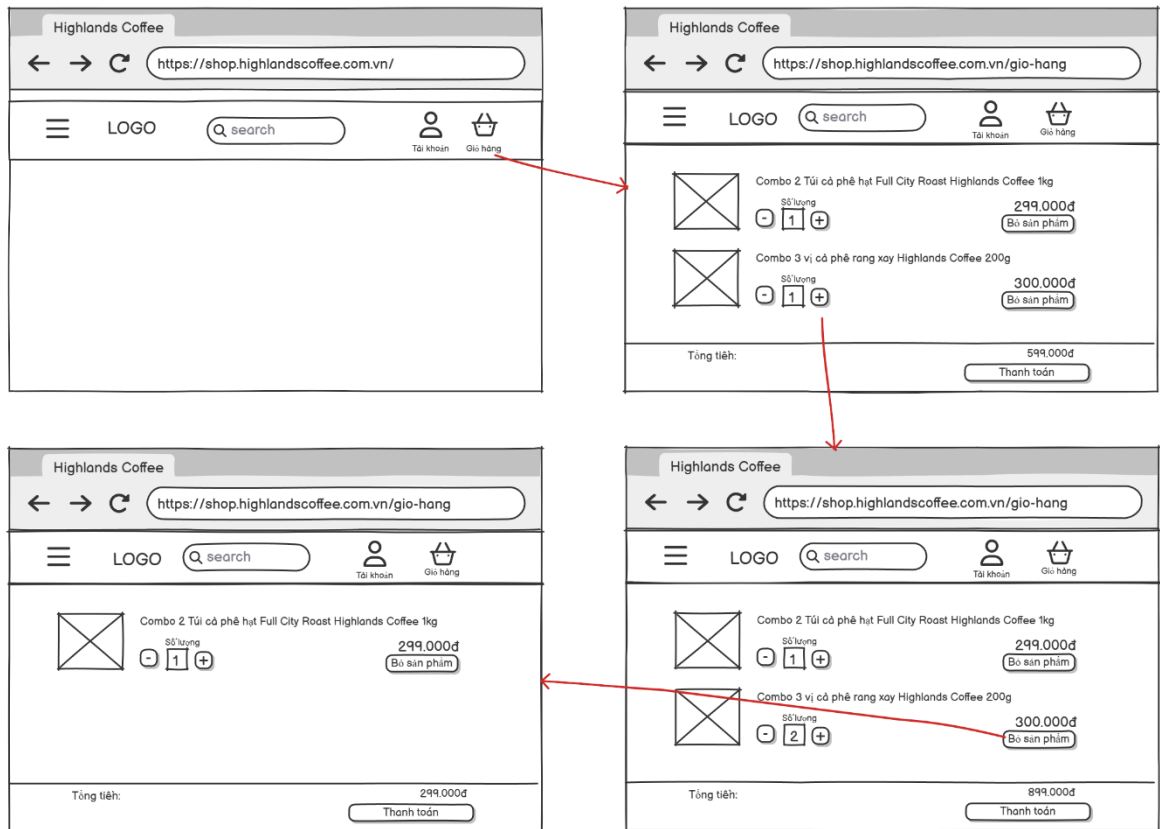


3.1.2.3. Biểu đồ cộng tác các màn hình

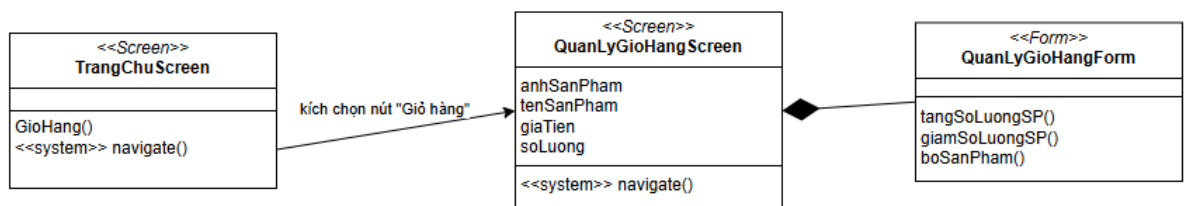


3.1.3. Giao diện use case Quản lý giỏ hàng (Trịnh Hoài Đức)

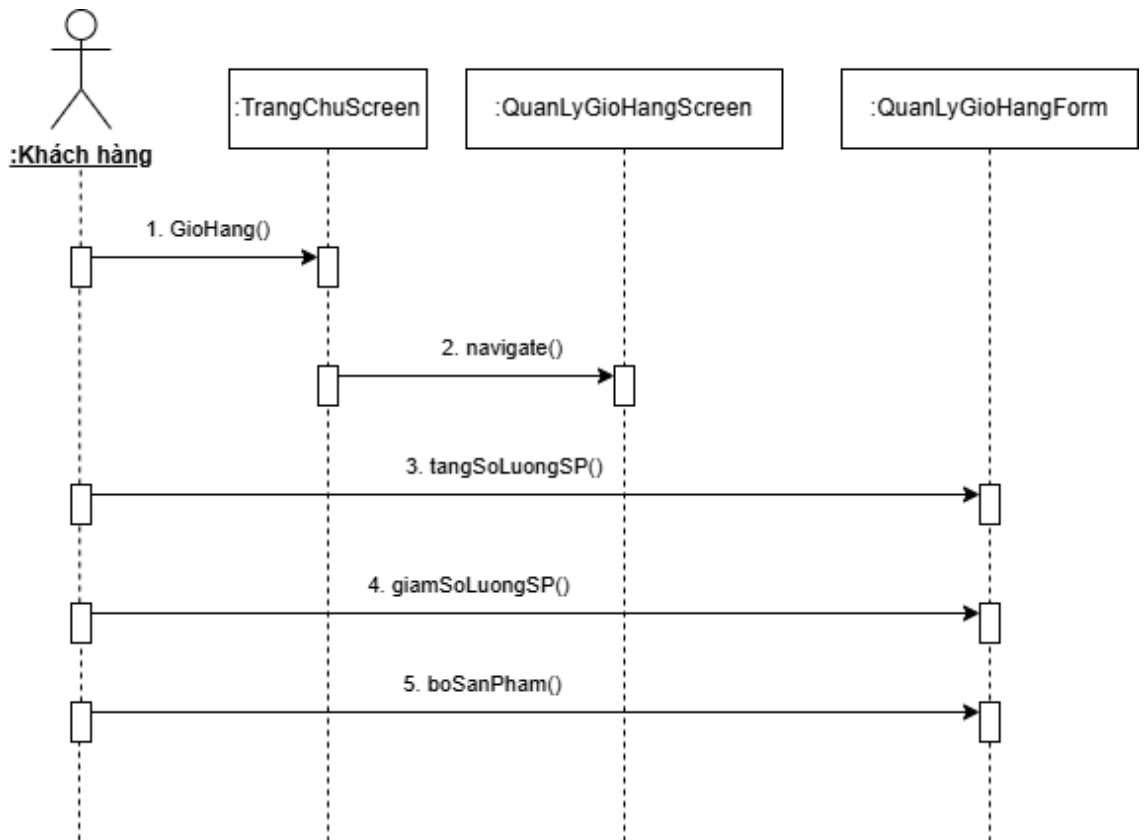
3.1.3.1. Hình dung màn hình



3.1.3.2. Biểu đồ lớp màn hình

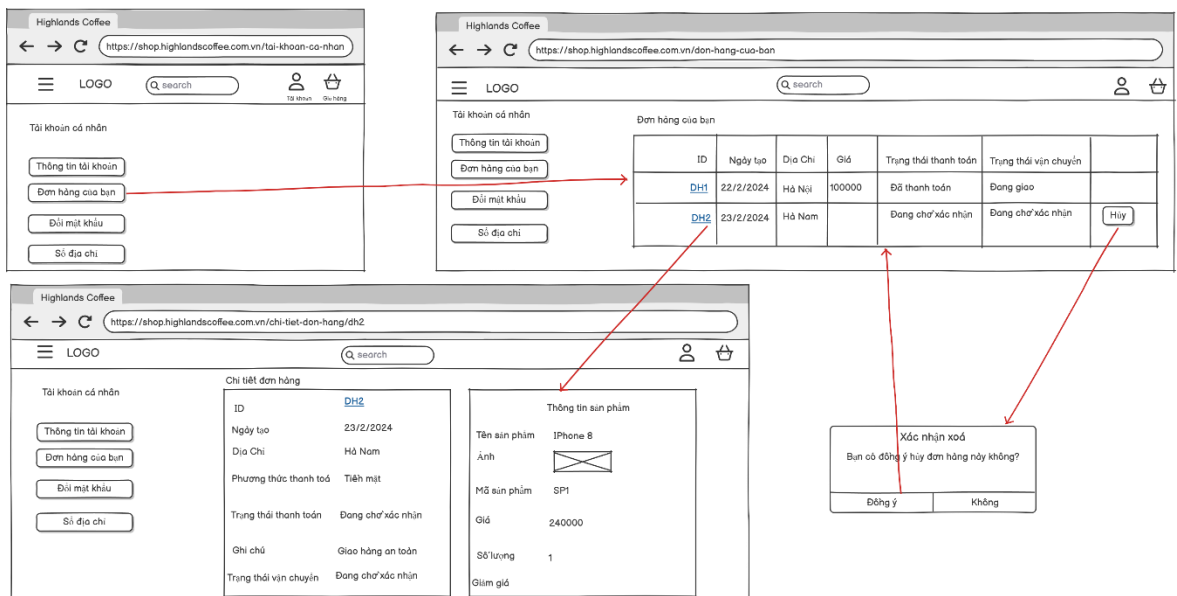


3.1.3.3. Biểu đồ cộng tác các màn hình

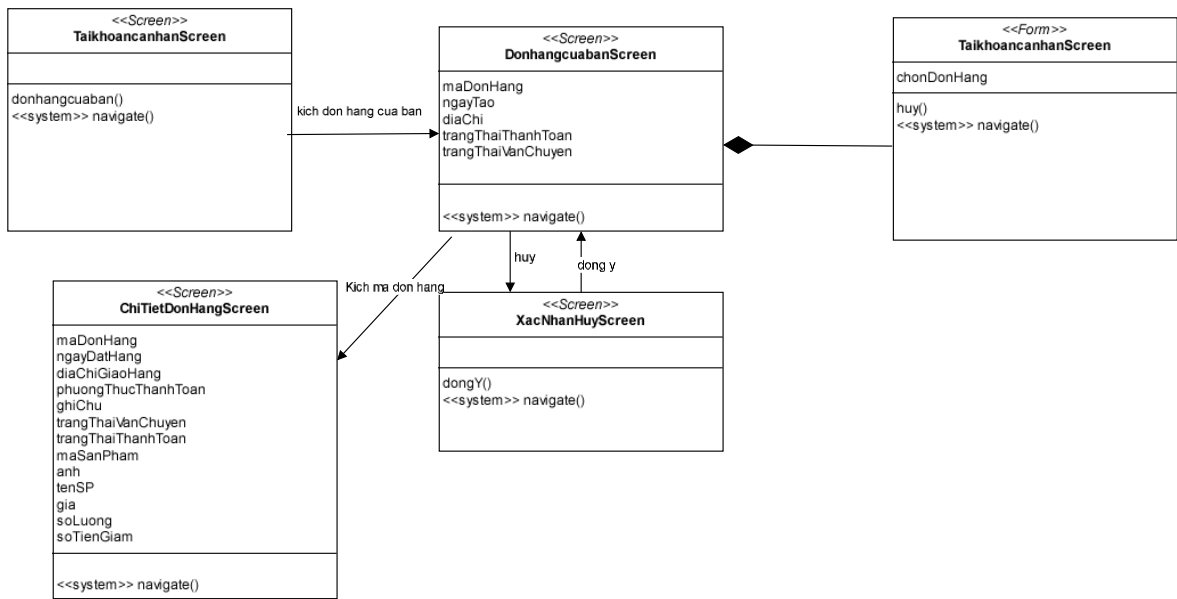


3.1.4. Giao diện use case Theo dõi đơn hàng (Đào Xuân Giang)

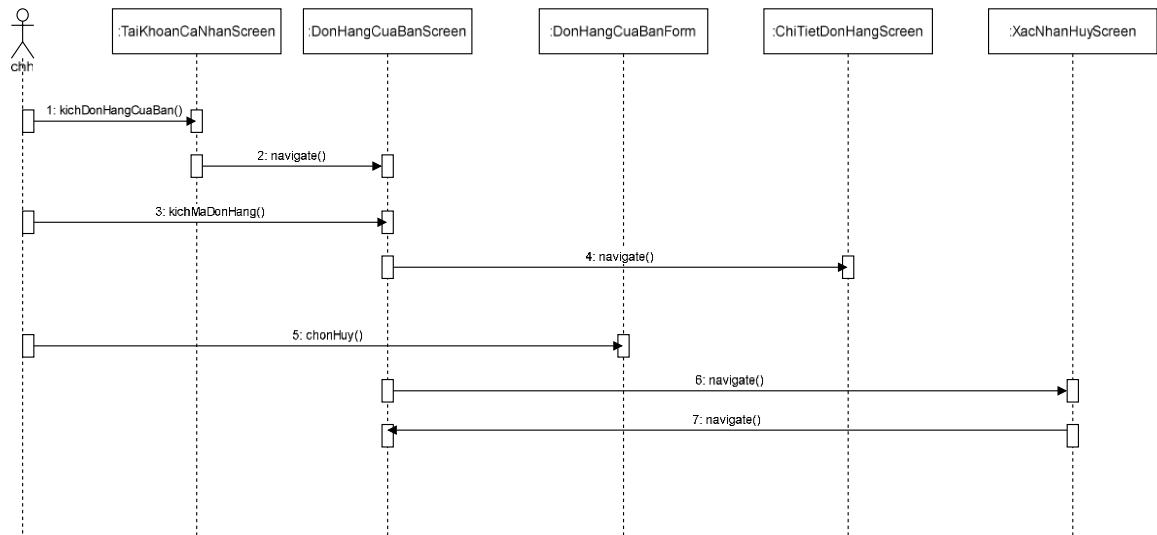
3.1.4.1. Hình dung màn hình



3.1.4.2. Biểu đồ lớp màn hình

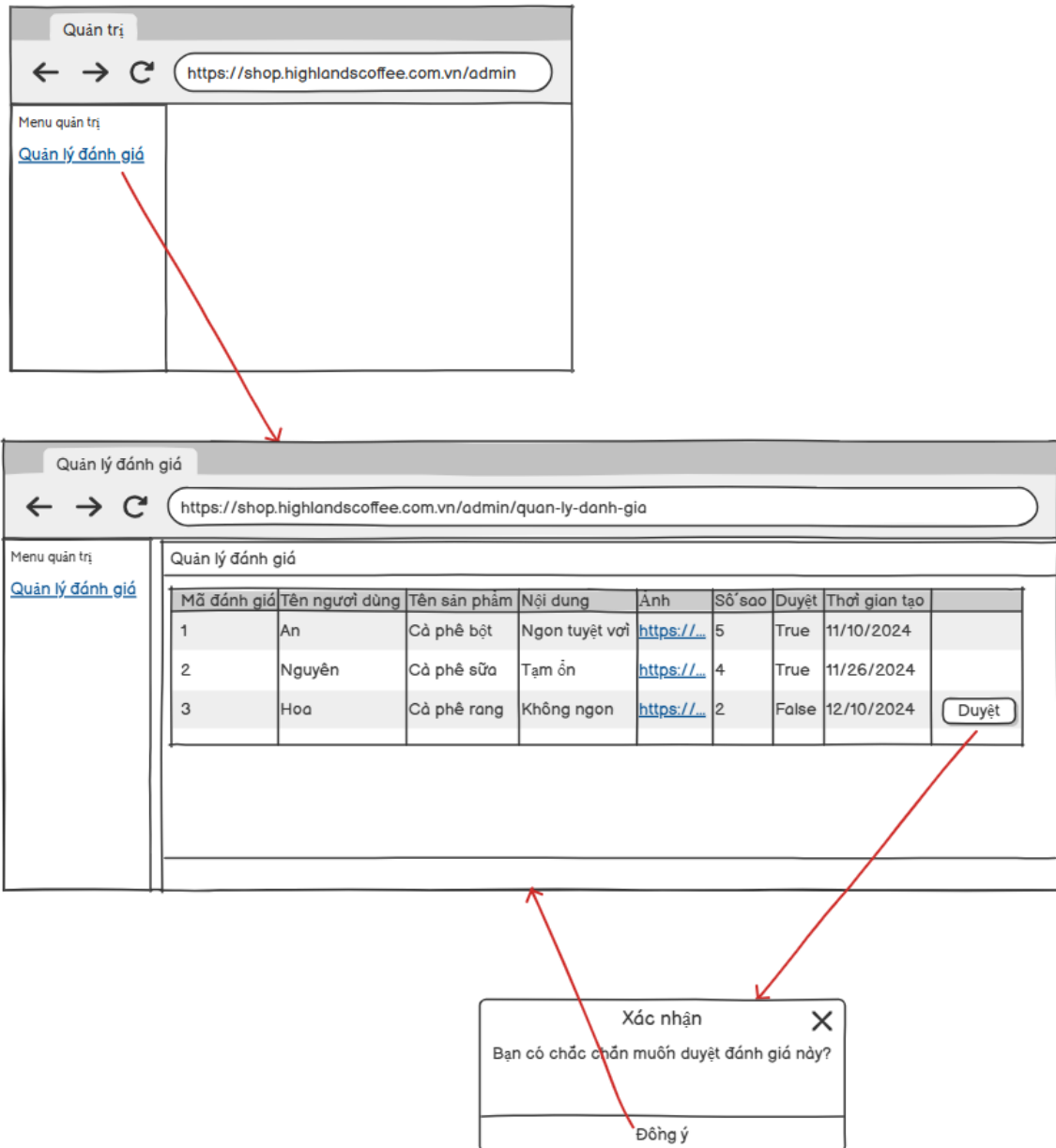


3.1.4.3. Biểu đồ cộng tác các màn hình

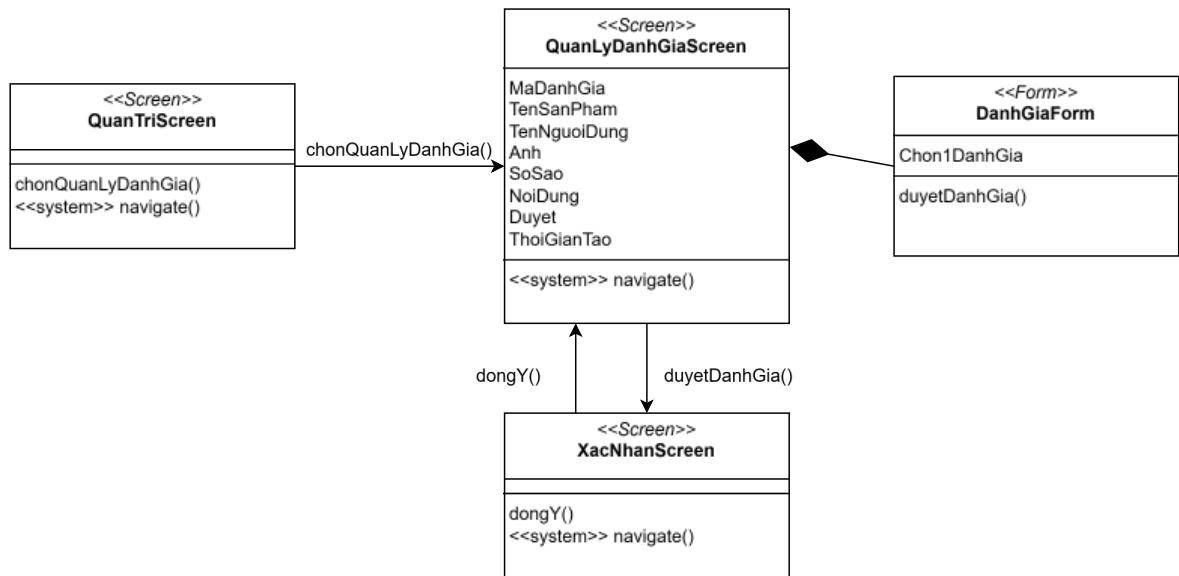


3.1.5. Giao diện use case Quản lý đánh giá (Nguyễn Thành Đạt)

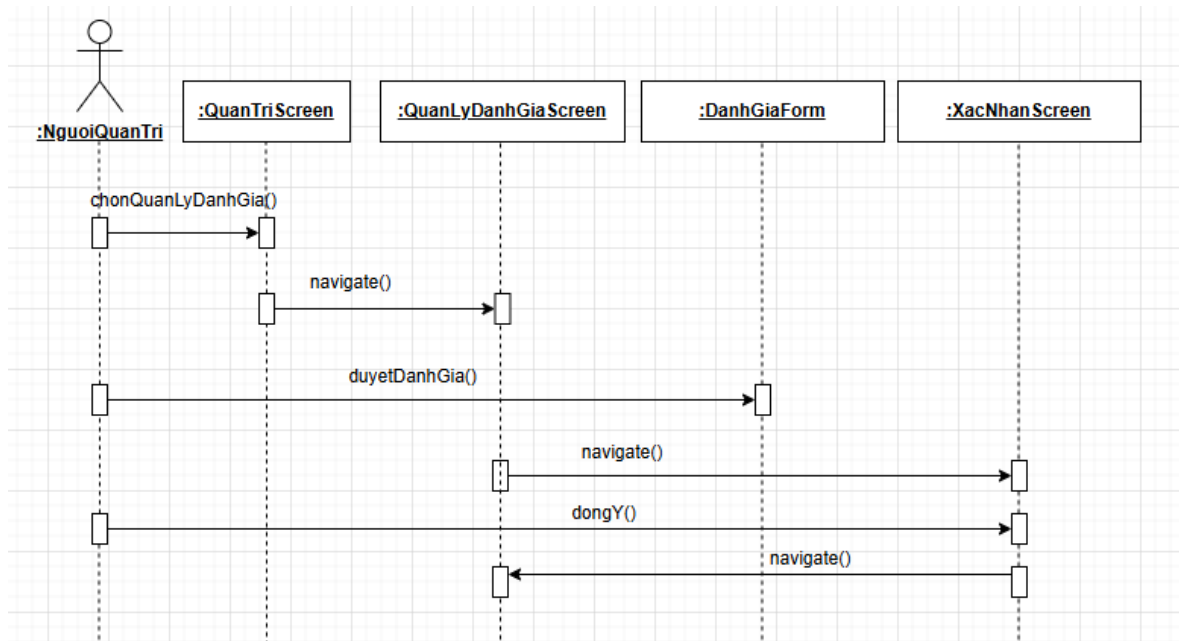
3.1.5.1. Hình dung màn hình



3.1.5.2. Biểu đồ lớp màn hình



3.1.5.3. Biểu đồ cộng tác các màn hình



3.1.6. Giao diện use case Quản lý đơn hàng (Vũ Đức Thiệp)

3.1.6.1. Hình dung màn hình

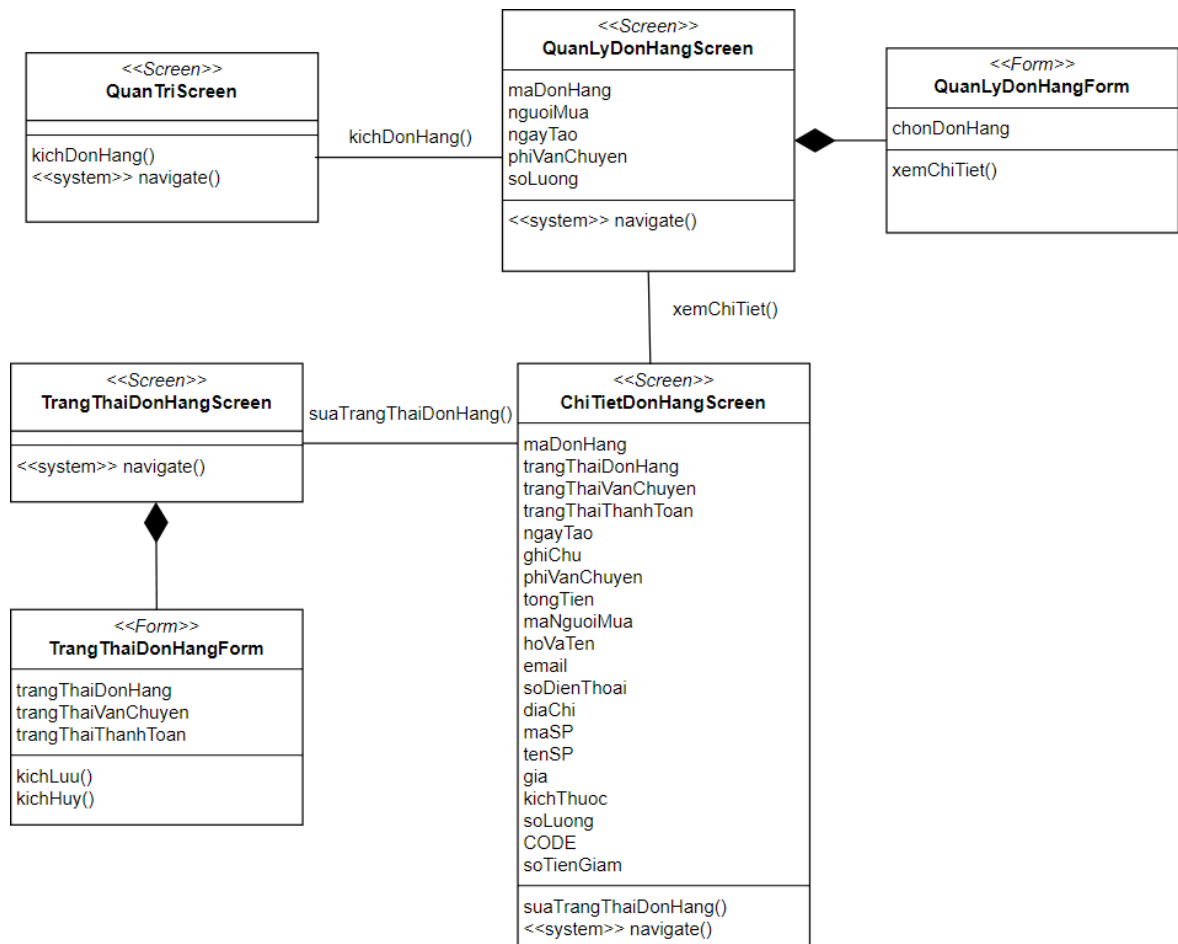
The interface consists of three main parts:

- Top Screenshot:** Shows the 'Highlands Coffee' header and a sidebar with a link to 'Quản lý đơn hàng' (Manage Orders).
- Middle Screenshot:** Displays a table of orders with the following data:

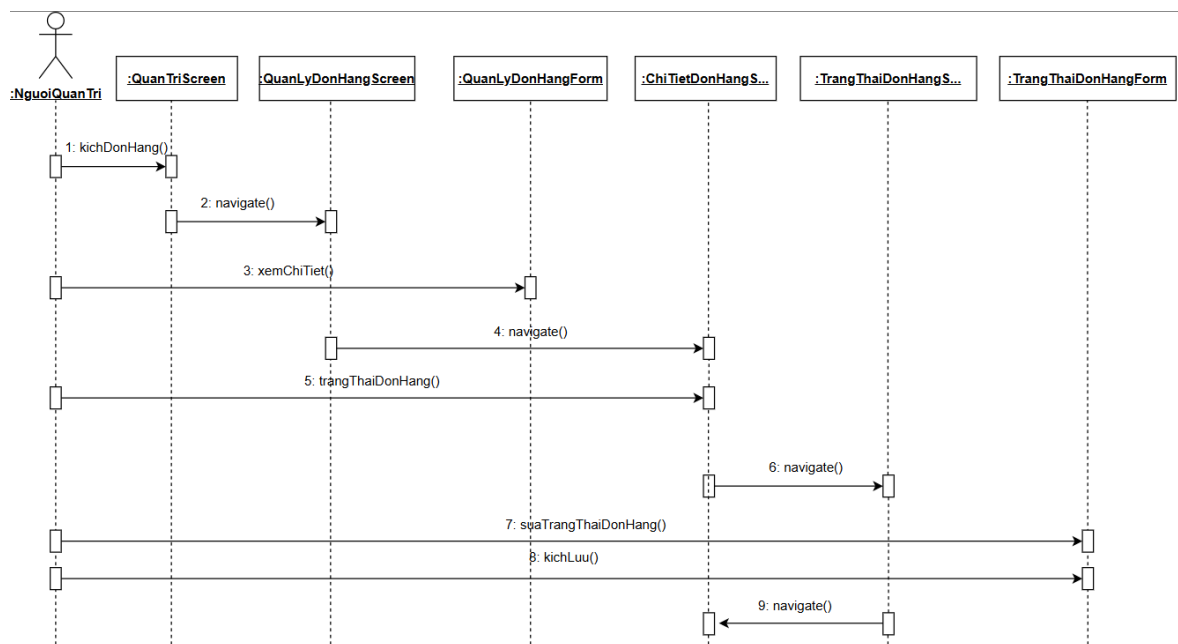
STT	Mã	Người mua	Ngày tạo	Phí vận chuyển	Số lượng	Tổng tiền	Xem chi tiết
1	DH01	Nguyễn Văn A	01/12/2024	10000	1	60000	Xem chi tiết
2	DH02	Hoàng Thị B	01/12/2024	10000	1	70000	Xem chi tiết
3	DH03	Trần Văn C	01/12/2024	10000	1	85000	Xem chi tiết
- Bottom Screenshot:** Shows the 'Chi tiết đơn hàng' (Order Details) form. It includes fields for:
 - Đơn hàng: Mã đơn hàng: xxxx, Ngày tạo: xxxx, Trạng thái đơn hàng: xxxx, Ghi chú: xxxx, Trạng thái vận chuyển: xxxx, Phí vận chuyển: xxxx, Trạng thái thanh toán: xxxx, Tổng tiền: xxxx.
 - Người mua: Mã người dùng: xxxx, Số điện thoại: xxxx, Họ và tên: xxxx, Địa chỉ: xxxx, Email: xxxx.
 - Danh sách sản phẩm:

STT	Mã	Tên sản phẩm	Giá	Kích thước	Số lượng
1	SP01	Cà Phê Phin Arabica	40000	200ml	1
2	SP05	Cà Phê Phin Blend	45000	300ml	1
 - Mã giảm giá: CODE: xxx, Số tiền giảm: xxx.
 - Trạng thái đơn hàng: [Dropdown menu]

3.1.6.2. Biểu đồ lớp màn hình

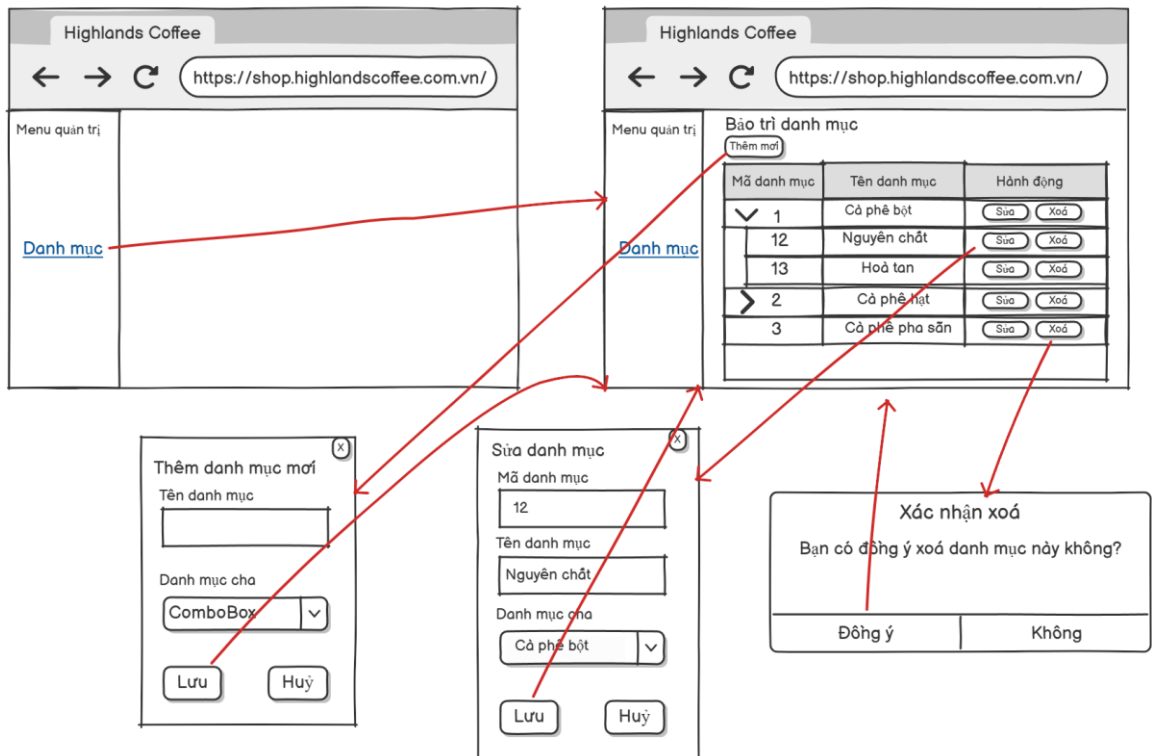


3.1.6.3. Biểu đồ cộng tác các màn hình

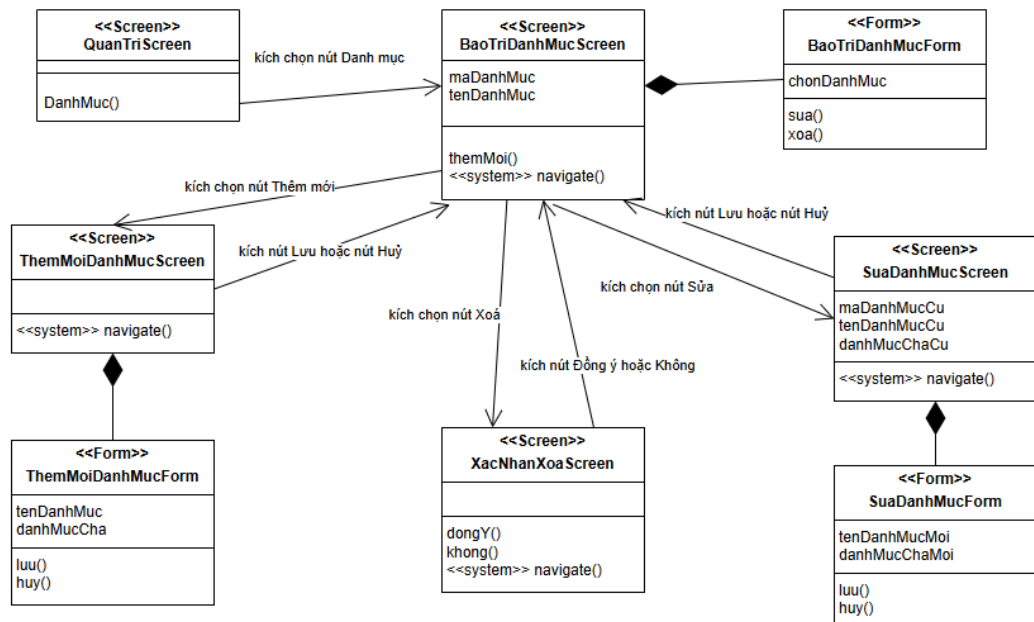


3.1.7. Giao diện use case Bảo trì danh mục (Trịnh Hoài Đức)

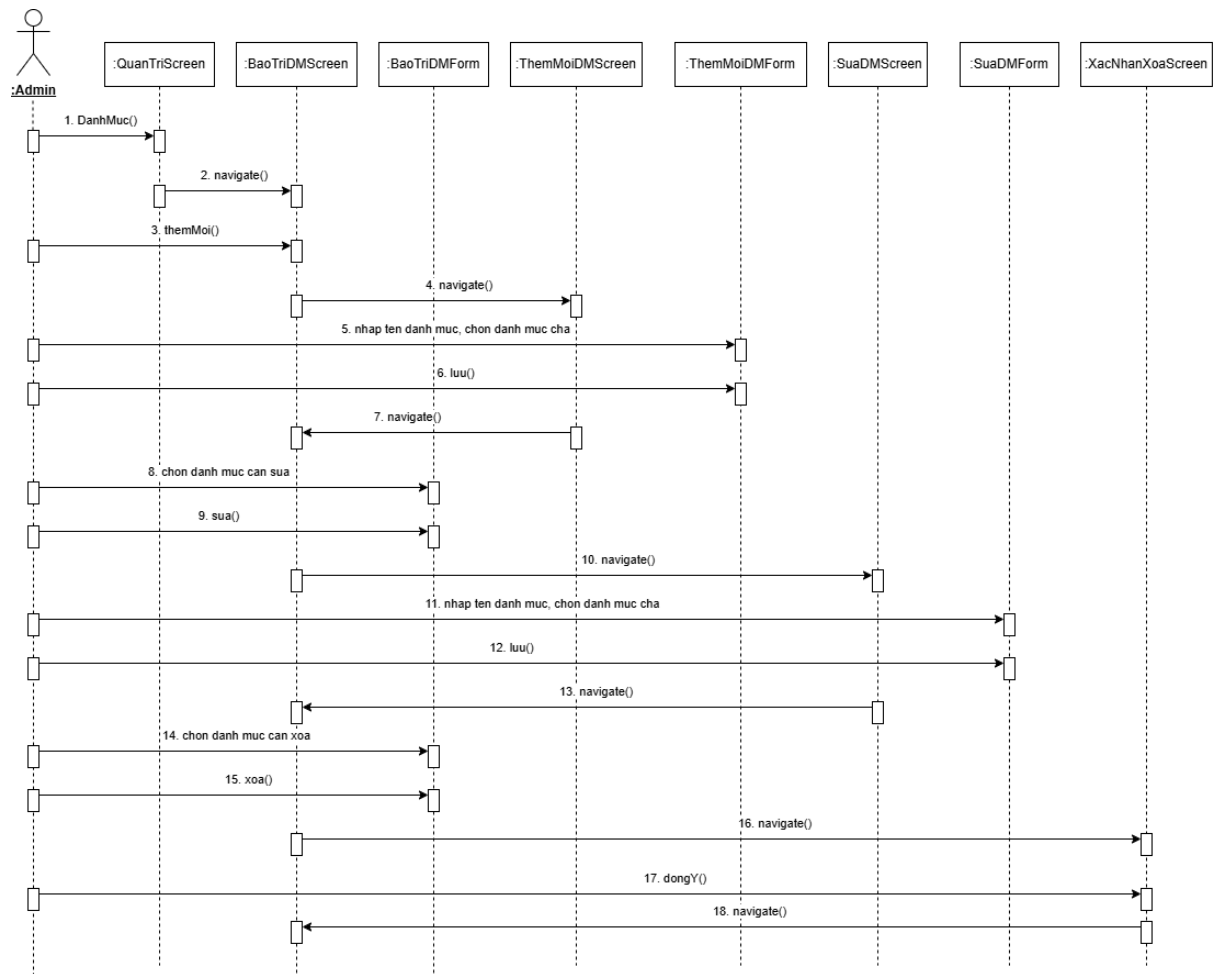
3.1.7.1. Hình dung màn hình



3.1.7.2. Biểu đồ lớp màn hình

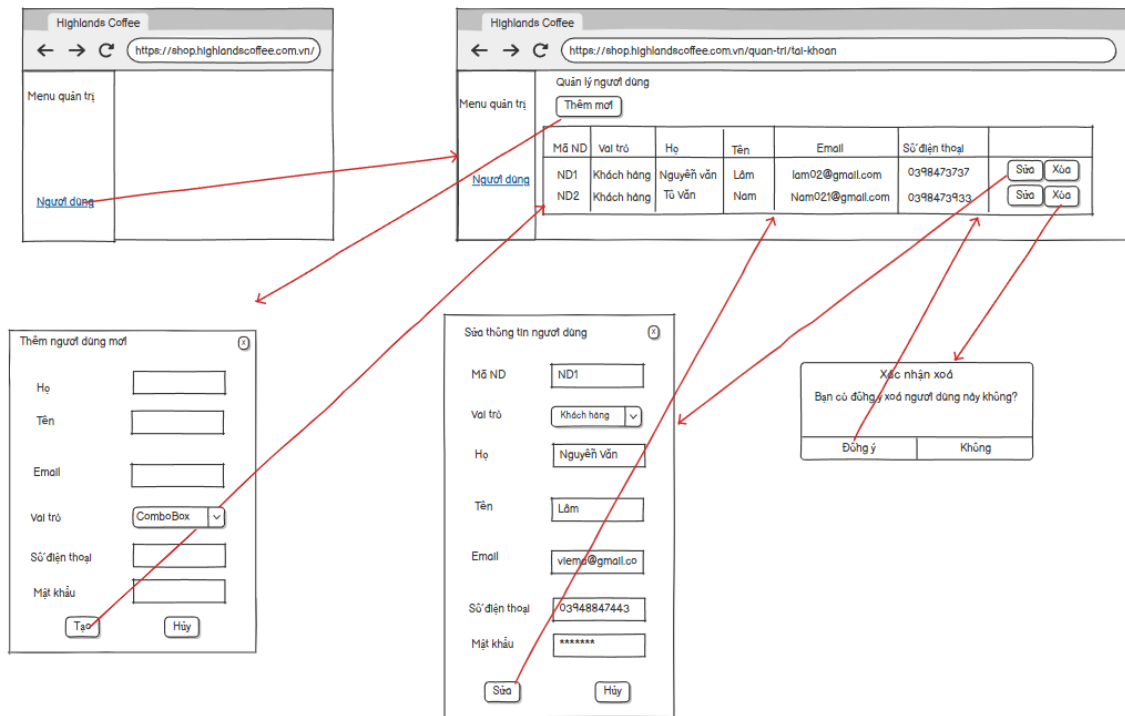


3.1.7.3. Biểu đồ cộng tác các màn hình

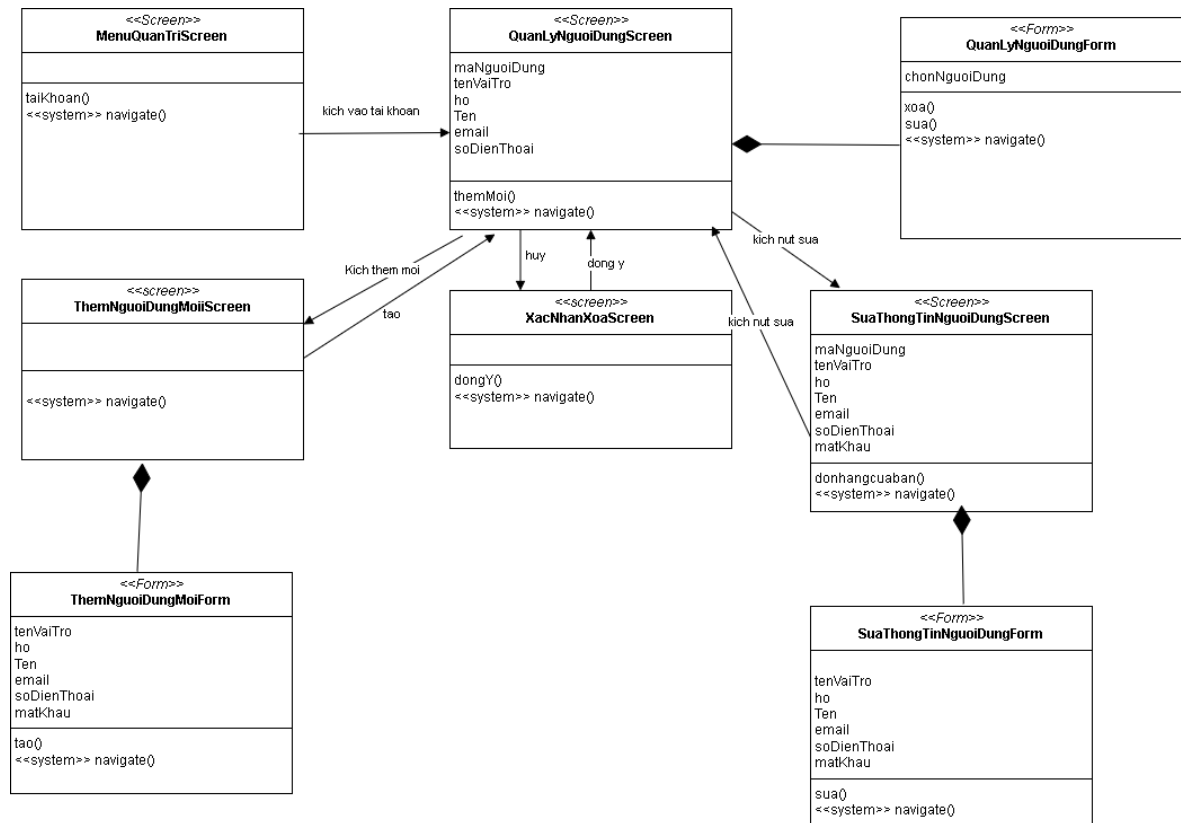


3.1.8. Giao diện use case Quản lý người dùng (Đào Xuân Giang)

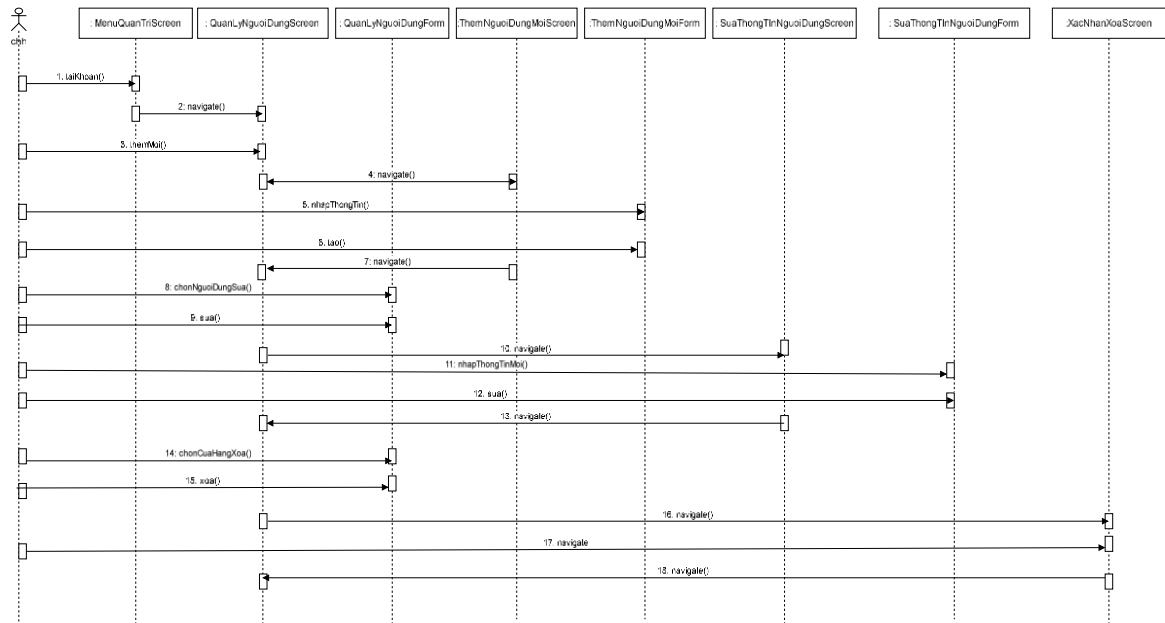
3.1.8.1. Hình dung màn hình



3.1.8.2. Biểu đồ lớp màn hình

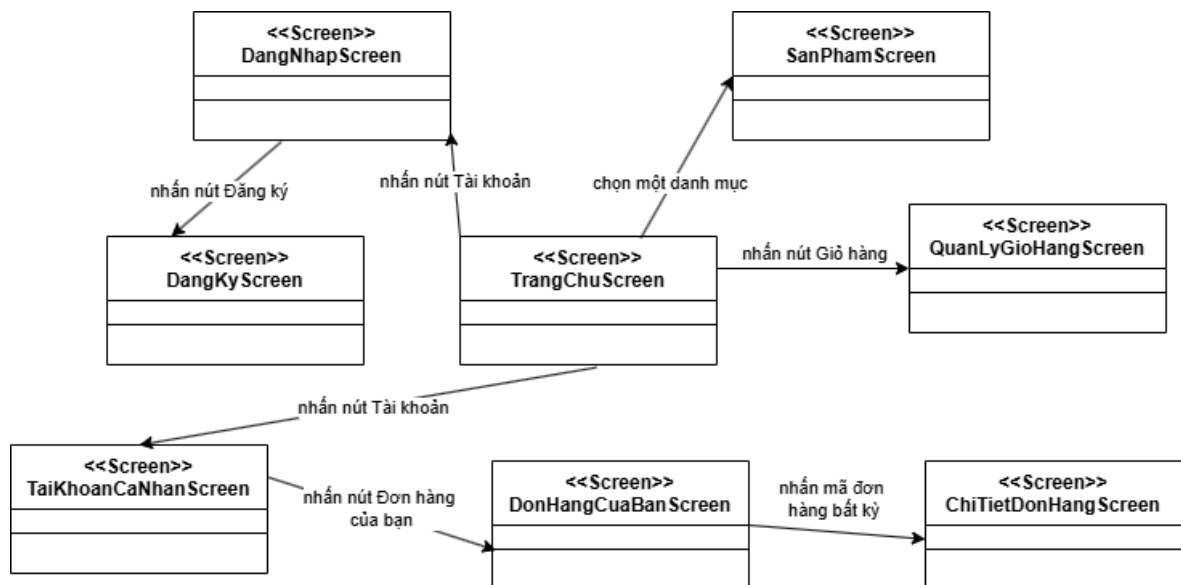


3.1.8.3. Biểu đồ cộng tác các màn hình



3.2. Các biểu đồ tổng hợp

3.2.1. Biểu đồ điều hướng màn hình của nhóm use case chính



3.2.2. Biểu đồ điều hướng màn hình của nhóm use case thứ cấp

